

TRẦN XUÂN AN
TUỔI HỌC TRÒ CỦA TÔI

Hồi kí – tự truyện

Phần 1: Trước tuổi mười chín

Phần 2: Thuở giao thời bên sông Hương

Bản 10 tháng 3 HB12 (2012)



Sự tiếp nhận có phê phán, có chọn lọc từ sách báo, từ học tập ở nhà trường (tiểu học cho đến đại học) và từ ảnh hưởng tương tác trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, kể cả tôn giáo, tín ngưỡng, hầu như tất cả thấy mọi người, không một ai không trải qua (dù ít dù nhiều, có mặt này, không mặt kia), nhưng vấn đề là phải vận dụng tốt, đặc biệt là phải sáng tạo mới. Trọng lượng, tầm mức sáng tạo mới thể hiện trên bàn cân, thước đo giá trị. Và tiêu chí chính là chân, thiện, mỹ. Chân, thiện, mỹ bao gồm độc lập, tự do...

TXA.

Phần 1 TRƯỚC TUỔI MƯỜI CHÍN

CHƯƠNG I 1956 - 1969

Thân tặng: Nguyễn Giỏ, Nguyễn Phụng, Nguyễn Lạp, Nguyễn Nu, Nguyễn Chữ, Đoàn Như Chính, Lê Hoà, Trần Trữ, Nguyễn Ngự, Nguyễn Lương Trí, Dương Quang Gạt...

1

Tôi là Trần Xuân An, dĩ nhiên rồi. Và cho dù đây là hồi kí, tuỳ bút tự thuật hay tự truyện, tôi cũng viết về tôi một cách chân thực. Quả thật là thế. Nhưng tôi cảm thấy cần tách mình ra khỏi chính mình, như một khách thể. Vì vậy, tôi để nhân vật khách thể ở ngôi thứ ba trong bảng đại từ nhân xưng, với tên họ là bút hiệu ít dùng của tôi: Trần Nguyễn Phan, gồm hai họ nội (Trần Xuân và Nguyễn Văn) của ba tôi, cùng với họ Phan của mẹ tôi.

Câu chuyện bắt đầu từ sự hiện hữu ban sơ của tôi trên cõi đời này với một câu hỏi...

“Mạ ơi, con được mạ sinh ra vào ngày mô, giờ mô, hờ mạ?”. Một vài lần trong thời thơ ấu và niên thiếu, Phan đã hỏi mẹ như thế. Phan đã được mẹ trả lời với ngữ điệu bình thản của lòng tự tin – chắc chắn mẹ không thể nhớ lầm. Đã nhiều lần Phan đọc thấy ngày tháng năm sinh trên giấy khai sinh của mình, nhiều lần điền vào phần lí lịch sơ lược ở mặt thứ tư của những tấm bìa đôi học bạ cũng của mình, nhưng phải đến năm Phan mười sáu tuổi, Phan mới tình cờ phát hiện ra cuốn sổ tay nhỏ bé chỉ bằng hộp diêm, nhưng mỏng hơn, của ba Phan, trong đó có ghi rõ ngày giờ Phan lọt lòng mẹ: *“Sinh vào giờ chợ đông (giờ Thìn), buổi sáng ngày mùng 08 tháng 10 năm Bính Thân, tức ngày 10 tháng 11 năm 1956. Tên tạm đặt là Dụng”*. Lúc đó, Phan vẫn không thể không có chút băng khuâng trong niềm tin đinh ninh vào ngày giờ mình được sinh ra đời, với cái tên ban đầu. Đồng thời cũng cảm thấy ngộ nghĩnh thật! Chắc hẳn do Phan có một người anh cùng mẹ đã được ba mẹ đặt tên là một từ thường đứng trước từ Dụng để thành từ ghép! Tất nhiên, từ ấy không phải là Vô!

Mặc dù không quan tâm gì đến tử vi đẩu số (“vì sao” không là ngôi sao chiếu mệnh, mà là “tại sao”), cũng chưa bao giờ làm tiệc mừng sinh nhật (chỉ dăm ba lần có thêm một ngón ăn ngon trong bữa ăn gia đình), nhưng mãi đến sau này, Phan vẫn rất thương cái lúc, cái ngày mình được chào đời. Đó là buổi sáng một ngày gần cuối thượng tuần tháng sơ đông – đầu mùa đông! Thậm chí, Phan còn tỉ mỉ tính thử xem, ngày Phan thực sự hiện hữu trong lòng mẹ dưới dạng một hạt trứng hồng đã được bằm thụ, một phôi thai. Và Phan cảm thấy vui, vì cộng thêm chín

tháng mười ngày trong lòng mẹ, thì ngày Phan bắt đầu tượng hình là cuối tháng giêng, tháng đầu xuân. Hoá ra, cả “*tuổi mẹ*” (tuổi trong bụng mẹ), tuổi ta (tuổi nguyệt lịch) cùng với ngày chào đời theo tuổi tây (tuổi dương lịch) của Phan đều nằm trong năm Bính Thân hay 1956. Đây là một điều kể ra cũng thú vị. Phan cũng mỉm cười tự trách mình đa đoan, vì chẳng mấy ai tỉ mẩn như vậy, nên cách tính tuổi nói chung là chỉ tính theo công thức chung mà thôi: tuổi ta, tính cả năm sinh, tuổi tây, lại không tính năm sinh, do đó đều chênh nhau một tuổi tất, bất kể sinh vào tháng nào (trừ những người được sinh vào khoảng cuối tháng chạp nguyệt lịch, lúc năm mới dương lịch đã đến nhưng năm nguyệt lịch song hành chưa hết, phải chịu chênh đến hai tuổi).

Cũng theo lời mẹ kể, và cũng đúng như trong giấy khai sinh, học bạ: Phan được ra đời tại Kinh thành nội (nói tắt là Thành Nội), Huế. Lại cũng đúng như trong cuốn sổ tay nhỏ xíu của ba, nhưng chi tiết hơn: “*Sinh tại Nhà thương Bác sĩ Phước, gần cửa Đông Ba, Kinh thành nội Huế*”. Vì thế, Huế đối với Phan cũng vô vàn thương mến. Nơi mình cất tiếng khóc chào đời, đáng nhớ lắm chứ! Nhưng đó chỉ là sinh quán (quê sinh). Nguyên quán hay chánh quán (quê gốc) của Phan vẫn là Quảng Trị.

Tuy nhiên, chuyện của Trần Nguyễn Phan (họ tên chính thức trong hồ sơ hộ tịch là Trần Xuân An, như đã thừa ngỏ) được ông thân sinh ghi bằng thủ bút trong sổ tay của ông chỉ có thế. Giấy khai sinh có lưu tại toà án (theo thủ tục hồi đó) vẫn còn. Thẻ căn cước đầu đời, làm năm mười lăm tuổi, vẫn còn. Học bạ của Phan thời tiểu học có những lời phê rất đẹp, với bằng khen “*danh dự toàn trường*” năm cuối cấp lại bị cháy vì nhà cháy, do chiến tranh. Học bạ sáu năm trung học cũng rất đẹp (trừ một vài cột điểm năm lớp mười hai, tám học bạ thứ bảy) thì chính Phan lại đốt tất (đốt cả bảy), trong một cơn giận... phần chí! Bằng tú tài và “*chứng chỉ mãn khoá đào tạo giáo viên cấp 3 hệ bốn năm*” lại bị mất tại Bảo Lộc! May là cũng còn bằng đại học với hạng khá (thuở đó khoa ngữ văn chắc không có hạng giỏi). Bằng đại học sở dĩ vẫn còn là do được chính thức cấp sau mười bốn năm, kể từ ngày tốt nghiệp (thời đi dạy học chỉ dùng “*chứng chỉ mãn khoá*”)! Có lẽ Trường Đại học Sư phạm Huế và Sở Giáo dục Lâm Đồng vẫn còn lưu hồ sơ của Phan. Mấy năm đi dạy học, hầu hết đều là lao động tiên tiến và lao động tiên tiến xuất sắc, kèm với tiền thưởng là hai đồng hoặc hơn hai đồng mỗi năm, giá khoảng bốn li cà phê pha bắp rang hồi đó! Hồ sơ lí lịch thường trú thì chắc chắn còn được lưu rồi. Và các giấy tờ khác nữa, như những giấy chủ quyền nhà, xe máy, giấy bản quyền tác phẩm. Tất thấy đều ghi đúng ngày tháng năm sinh, nơi sinh, nguyên quán với họ tên chính thức của Phan. Giấy tờ nào có ảnh thì cũng khuôn mặt Phan (Trần Xuân An) rành rành trong ảnh.

Như vậy, cũng như rất nhiều người khác. Ngoài ra, chuyện của Phan hầu hết chỉ là những gì còn lưu lại trong trí nhớ của Phan, do chính Phan viết ra.

Trí nhớ thời thơ ấu của Phan còn lưu giữ lại được những gì? Có thể như nhiều người khác, Phan nhớ những điều do người lớn kể lại, chẳng hạn như hồi nhỏ, chừng một vài tuổi, Phan thế này, Phan thế nọ. Nhưng liệu loại kí ức Phan tự ghi nhận được ở độ tuổi quá bé ấy có nhiều không? Hẳn là không.

Nhưng chùm chữ số 1960 được đắp nổi và được sơn bằng các màu vôi nổi bật của nhà Phan, như thường thấy ở ngay phía trên trán mặt tiền nhà trệt, nhà gác hay lầu một của các ngôi nhà ở nhiều nơi, Phan vẫn còn nhớ như khắc vào trí nhớ. Đó là năm ba mẹ Phan mua lại một căn nhà xây gạch, gác gỗ ở phố huyện Diên Sanh thuộc tỉnh nguyên quán Phan – tỉnh Quảng Trị (dĩ nhiên là tỉnh nguyên quán ba Phan) và tỉnh đó cũng là nguyên quán mẹ Phan nữa. Chính năm ấy, căn nhà đã được ba mẹ Phan tu bổ, chỉnh trang lại. Chắc hẳn đó cũng là năm mẹ Phan từ Huế trở ra Quảng Trị để sinh sống. Năm ấy, Phan đã lên bốn.

Hình như 1960 cũng là năm khởi nghiệp buôn bán của mẹ. Phan vẫn còn nhớ mẹ Phan đăng kí tiểu bài (môn bài kinh doanh nhỏ) về gạo, gồm gạo tẻ và nếp. Bây giờ, Phan vẫn thường nghịch ngợm leo lên những chông bao gạo để chơi đùa, khiến mẹ rất lo sợ Phan bị các bao nửa tạ, một tạ ngã xuống, đè lên người Phan, nên dặn dò người giúp chắt lên cho khéo, cho thật vững. Và mẹ vẫn tiếp tục nghề buôn bán gạo cho đến khi Phan vào lớp mẫu giáo (lúc đó gọi là lớp vỡ lòng hay lớp sáu), tại một ngôi trường phía sau nhà, cách nhà khoảng độ dăm bảy chục mét. Đó là Tiểu học tư thực Mai Khôi, do các *ma xơ* (ma soeurs, cũng được gọi bằng tiếng Việt là “các chị”), nữ tu Thiên Chúa giáo, phụ trách. Lớp mẫu giáo Phan học do chính “chị bề trên”, nổi tiếng “dữ dằn” vì nghiêm khắc, khó tính, trực tiếp coi sóc, có lẽ bởi chị bề trên đã khá lớn tuổi, cao niên nhất, nghiêm khắc nhất, và cũng bởi quan niệm phải uốn nắn học trò ngay từ lớp nhỏ nhất – lớp mẫu giáo!

Tất cả các lớp, từ lớp mẫu giáo cho đến lớp cuối cấp tiểu học (lớp năm, bây giờ gọi là lớp nhất) đều khởi đầu bằng mục đọc tập thể bài kinh “*Lạy Cha chúng tôi ở trên Trời...*” – ở các lớp lớn, sau đó là đọc tập thể bảng cửu chương –, rồi mới chính thức đi vào buổi học các môn văn hoá. Trong các môn học chính khoa, có cả môn giáo lí Thiên Chúa giáo! Cuối buổi, tất cả lại đọc tập thể bài kinh “*Sáng danh Đức Chúa Cha...*”, trước khi sắp hàng ra về. Và tan hàng ngay ở cổng trường.

Lớp mẫu giáo Phan theo học phân lớn chỉ học hát, nghe kể chuyện và tập viết, nhưng về tập viết, chủ yếu dùng bút chì để gạch sỏ dọc theo ô li. Hầu như cả cuốn vở, trang nào cũng vậy, mở ra cứ như nhìn thấy những thửa ruộng mới cấy.

Có một điều Phan nhớ hình như là vào giữa học kì một (đệ nhất lục cá nguyệt), Phan được chị bề trên “cử” đi nhà thờ vào sáng chủ nhật sắp tới để chịu “phép rửa tội”, cùng với dăm đứa bạn khác! Về nhà, Phan xin ý kiến mẹ. Mẹ không đồng ý, nhưng lại sợ chị bề trên không cho tiếp tục học nữa, mặc dù mẹ biết không phải đứa nhỏ nào học ở trường Mai Khôi cũng đều bị buộc theo Thiên Chúa giáo. Mẹ phân vân. Nhưng mãi cho đến vài tháng sau, khi hai người anh khác mẹ với Phan ở Huế – vốn là học sinh nội trú trường Bình Linh (Pellerin), thuận theo sự khuyến dụ vào Thiên Chúa giáo tại đó – gửi thư ra nài nỉ, mẹ mới đồng ý. Thế là vào một buổi sáng chủ nhật, Phan được các chị nữ tu dẫn đến nhà thờ Chúa để

chịu phép rửa tội, với gáo nước nhỏ tượng trưng dội trên tóc. Từ đó, Phan có tên thánh là Mi-ca-e (Michel).

- Được mang tên Thánh Mi-ca-e là oai lắm đó. Con có nhớ Thánh Mi-ca-e là ai không? - chị bề trên hỏi Phan.

Phan sực nhớ trong giờ giáo lí, chị có kể chuyện theo Kinh Thánh, Mi-ca-e là vị thiên thần quản lí tất cả mọi thiên thần trên trời, đối lập với Sa-tăng (Satan), tên ma quỷ cai quản tất cả mọi tên ma quỷ ở địa ngục, nên trả lời ngay:

- Dạ, con nhớ. Thánh Mi-ca-e là Tổng lãnh Thiên thần.

Chị bề trên xoa đầu Phan với tiếng “Giỏi” kèm theo. Phan cảm thấy sung sướng và hãnh diện một cách ngây ngô.

Từ đó, Phan phải thường xuyên đi nhà thờ Chúa vào mỗi sáng chủ nhật để dự lễ mi-sa (messe, mass), theo sự dẫn dắt của các nữ tu. Phan còn nhỏ quá, mới năm tuổi, nên được miễn đi đọc kinh tối tại nhà thờ vào mỗi hoàng hôn, khoảng từ 18 đến 19 giờ!

Tuy là thế, nhưng hầu như không có gì thay đổi trong nhà mẹ Phan. Mẹ Phan vẫn thờ cúng tổ tiên, ông bà, Đức Phật Thích Ca, vẫn thắp hương trên bàn thờ trong nhà, lư nhang ngoài cửa vào mỗi tối.

3

Nhưng Phan không làm tín đồ Thiên Chúa giáo được lâu, mà chỉ vài tháng. Bấy giờ, nhà Phan đóng cửa lại, nhờ người láng giềng và một ông thợ may coi sóc giúp, vì Phan với mẹ cùng chị gái phải vào Nam Bộ. Cả nhà vào Huế, lên máy bay vào Sài Gòn. Người anh thứ ở Sài Gòn đi đón tại Tân Sơn Nhất. Sau đó, anh ấy đưa về Huệ Đức, An Giang, nơi ba Phan đang làm công việc ở một khu trù mật (xây dựng vùng kinh tế nông thôn phát triển, thịnh vượng). Cùng về Huệ Đức, còn có một đứa bé gái, lớn hơn chị em Phan khoảng dăm tuổi. Đó là Quỳnh, một người chị họ bên ngoại của Phan. Chị Quỳnh từ Huế đã vào Sài Gòn khoảng năm tháng trước. Ngày đó, Phan cũng chẳng hiểu sao chị Quỳnh lại từ Sài Gòn theo ba mẹ con Phan về một vùng quê heo hút là Huệ Đức như thế, chỉ mơ hồ đoán chừng là để phụ giúp việc nhà, cùng đi học với chị em Phan.

Nhà ba Phan ở cũng chính là nơi đặt văn phòng làm việc. Cả văn phòng, vốn vẹn chỉ có ba Phan và một viên thư kí kiêm nhân viên đánh máy chữ, không kể một nhân viên tạp vụ, cấp dưỡng! Thế mà cũng được gọi là “Văn phòng Khu trù mật, quận Huệ Đức”! Nếu không có tấm bản đồ to tướng áp sát vào vách trong văn phòng và một sa bàn đắp nổi bằng xi măng, được chú trọng làm nổi bật những lô ruộng, những con kênh thủy lợi, trong ngôi nhà rộng khác, người ta mới nhìn chỉ tưởng là khu nhà ở đơn thuần. Trong ngôi nhà sa bàn này, có một phòng dành cho gia đình chú Quân, nhân viên cấp dưỡng, trú ngụ.

Chợ Huệ Đức cũng xa nhà Phan ở. Chú Quân làm cấp dưỡng nhưng chỉ phải đảm trách một khâu đi chợ. Mỗi lần đi chợ, phải đạp xe từ sáng sớm, đến gần trưa mới về đến nơi. Đối với mẹ, phụ nữ người Miền Trung, việc phải để chú Quân đi chợ, khiến mẹ rất áy náy! Đúng là vào đây, xem ra kém thua hỏi còn ở phố huyện

ngoài Quảng Trị. Nhà Phan ở ngoài ấy, chợ ngay trước mặt nhà, chỉ cách một con đường huyện lộ. Nhưng bù lại, Huệ Đức thoáng đặng hơn, thơ mộng hơn rất nhiều.

Ở Huệ Đức, Phan được sắp xếp vào học lớp năm (lớp đầu cấp, bây giờ gọi là lớp một). Chị Linh, chị ruột của Phan, vào lớp tư (lớp hai). Chị Quỳnh, lớp ba (bây giờ cũng gọi là lớp ba).

Đó là một ngôi trường cách ngôi nhà gia đình Phan trú ngụ một khoảng đất trống, phẳng và rộng, phủ cỏ xanh, như nhiều sân banh gộp lại. Cuối trảng cỏ, một ngọn núi mọc lên, người ta gọi là núi Ba Thê. Và trên trảng cỏ, hiện rõ một lối mòn cắt chéo, từ giao điểm các ngã đường ở phía trái khu vực nhà Phan, dẫn đến một làng có cư dân khá đông vui. Trường ba chị em Phan học được xây dựng ngay đầu làng, bên cạnh lối mòn ấy. Mỗi lần đi học, cả ba chị em đều phải cắt ngang con đường đất khá rộng trước khu vực và băng ngang trảng cỏ như sân banh rộng. Nhưng chỉ với dấu chân ba chị em, bước chân tuổi thơ lại ít chịu cố định, nên không thể làm thành một lối mòn như lối mòn kia.

Đó là năm học Phan có một số bạn trai thân thiết chính gốc Huệ Đức. Và tự bao giờ chẳng rõ, Phan đã nói chuyện, học bài bằng giọng Nam Bộ.

Đến năm 1963, giữa lúc cá nguyệt (học kì) đầu, theo đài bán dẫn (radio), cả nhà Phan đều biết tin ở Sài Gòn, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ. Tin đó cũng theo các tờ báo về đến tận Huệ Đức. Phan còn nhớ, một buổi chiều, như nhiều buổi chiều khác, trước sân nhà, ba Phan ngừng đọc báo, bảo Phan đọc tiếp cho cả nhà nghe, như một cách tập đọc – luyện văn. Vừa nghe, ba Phan vừa cười khà khà, có lẽ tức cười cho “sân khấu chính trị Sài Gòn”. Và những mẩu tin, mẩu truyện kí về gia đình họ Ngô, về “cuộc cách mạng” ấy đã thành ấn tượng in sâu trong óc Phan.

Trường học, và nhất là đài, báo đã giúp cho vùng nông thôn – khu trù mật Huệ Đức đỡ phần mệt mỏi, hẻo lánh, cách biệt với tình hình chung.

Tuổi lên sáu, lên bảy của Phan như thế đó. Từ ấn tượng chung về Huệ Đức, mỗi lần nhớ lại, đều dấy lên trong lòng Phan một cảm giác heo hút, nhưng bát ngát và xanh ngắt màu cây cỏ, núi đồi, ruộng lúa, vườn tược hoa trái, nhưng không cô lập mà chan hòa, rộng mở. Đặc biệt, hình ảnh loài cây thốt nốt được trồng quanh nhà, quanh làng dân cư kia, với chất nước giòn ngọt có mùi khói, như mãi chạm nổi trong tâm trí Phan, mãi đậm đà trong cuống họng Phan. Và mãi đến sau này, Phan còn biết Huệ Đức vốn là một phần đất thuộc thương cảng Óc Eo sầm uất của Phù Nam cổ đại.

Thế rồi, gia đình Phan lại chuyển lên tỉnh lỵ Long Xuyên. Đó là một chuyến chuyển nhà bằng ca-nô, có đầu máy thường gắn trên các con thuyền chạy quanh năm trên sông rạch, được gọi là máy đuôi tôm. Cảm giác ngồi trên chiếc ca-nô xé nước phía đầu mũi và tạo ra những lượn sóng tung bọt trắng xoá phía đuôi, thật thú vị. Dọc đường kênh, Phan còn nhớ có một ngọn núi đang được khai thác đá, khiến núi bị sạt lở một bên, trơ ra màu đá, tuy vẫn còn màu xanh cây cỏ ở những phần núi mà bàn tay cùng chày nỏ do con người chế tạo chưa chạm đến. Đó là núi

Sập. Thật đáng tiếc! Trên dòng kênh, hình như ven bờ đều tím tím, đỏ đỏ màu lá hoa súng và màu hoa súng nở. Ven kênh, bạt ngàn, ngút ngát ruộng.

4

Nhà gia đình Phan trú ngụ tại Long Xuyên có hai hộ ở ghép. Tầng trên, thuộc về gia đình một viên chức nào đó. Lối lên là chiếc cầu thang mở ra phía hông đằng sau. Ba Phan được ưu ái dành cho tầng trệt. Nhà nhìn ra một công viên, bên kia công viên là sông Hậu bát ngát, đục ngầu phù sa quanh năm.

Hình như trong khi chuẩn bị để vào Trường nam Tiểu học cộng đồng, Phan được học thêm ở nhà của một thầy giáo, để bổ túc cho những tuần nghỉ học do chuyển nhà.

Ở lớp học thêm ấy, có một kỉ niệm đậm chất “đạo chánh”, “cách mạng”, “dân chủ hoá” mà Phan ảnh hưởng từ đài báo và từ những lá thư của hai ông anh ở Sài Gòn gửi về, kể cả mấy đoạn băng do ông anh thứ hai đọc trong máy ghi âm (magnétophone). Đó là những trang của cuốn “*Tâm hồn cao thượng*” của Edmond de Amicis, do Hà Mai Anh dịch. Kỉ niệm ấy, thật buồn cười: Phan dám đứng lên trong lớp, một cách “dân chủ”, nói lời “phản kháng” thầy giáo, phần nào theo cung cách và thái độ của chú bé, nhân vật trong sách, đã dũng dạc nói một câu làm xúc động lòng người: “Tôi không nhận tiền từ những kẻ đã làm nhục Tổ quốc tôi!”, nhưng lại vận dụng một cách cảm tính, với trực giác trẻ thơ, sang vấn đề có đúng hay không nội dung câu hát “Xổ số... kiến thiết quốc gia, giúp đồng bào ta... được nên cửa nhà... giàu sang mấy đời”. Đó là vấn đề giá trị lao động và đồng tiền may rủi trong lĩnh vực xây dựng Đất nước, vấn đề quảng cáo mị dân. Cố nhiên, ngôn ngữ thể hiện cũng rất trẻ thơ.

Không biết có phải vì kỉ niệm “dân chủ”, “phản kháng” ấy hay không, Phan được ba Phan ưu ái cho người đưa lên Sài Gòn để đi học tiếp, thay vì học ở Long Xuyên. Gia đình ông anh cả đã khá đông con, nay lại có thêm Phan.

Trường Phan học là Tư thực Quốc Anh, gần một công xe lửa và toạ lạc ngay bên đường Ngô Đình Khôi, sau 01-11-1963, được đổi thành đường Cách Mạng.

Mới đầu, Phan được vào học lớp hai (thuở đó gọi là lớp tư) theo chương trình song ngữ Pháp – Việt, có lẽ theo kì vọng của người thân là để Phan dễ mở rộng kiến văn sau này, và để vượt thắng ngoại quốc, thì phải học ngoại quốc (trong điều kiện lúc đó, cũng có nguy cơ phản tác dụng, dẫn đến vong bản). Nhưng Phan chưa biết gì về tiếng Pháp cả, trong khi các bạn cùng lớp đã trải qua hơn một niên học rười rùi, chưa kể lớp mẫu giáo, vốn cũng theo chương trình song ngữ. Vì thế, Phan đành phải thừa với ông anh cả, xin học chương trình Việt đơn thuần, cũng tại trường Quốc Anh.

Đây là một năm học thật khó khăn, trắc trở đối với Phan, do phải chuyển nhà, chuyển nơi ở, chuyển trường, chuyển chương trình học, khá dồn dập, việc học phải gián đoạn, chấp vá, nhất là lần đầu tiên xa mẹ, xa chị gái, sống trong nhà ông anh cả, vốn ít dịp gần gũi, kể từ trước đó đến bấy giờ. Tuy thế, Phan vẫn vượt qua được.

Nhưng rồi cũng không học trọn năm lớp hai ở Sài Gòn! Phan lại cùng mẹ, chị Linh lên máy bay về lại Huế, vì không thể để nhà ở Diên Sanh vắng chủ quá lâu, vì giá nhà ở Long Xuyên cũng không dễ mua! Còn chị Quỳnh, chị ấy cũng đành ngậm ngùi trở lại sống ở nhà người bà con trước đây, tại Sài Gòn. Nghe đâu, chị phải bỏ học luôn, để phụ việc may mặc theo gia đình người bà con đó. Hồi mẹ mới vào, những tưởng giúp chị Quỳnh theo đuổi việc học. Ngờ đâu, chị Quỳnh chỉ học thêm được mỗi lớp ba và gần nửa niên khoá lớp nhì (lớp bốn bây giờ)!

Chuyến bay về phi trường Phú Bài thật buồn, vì mẹ và chị Linh cứ mãi khóc, khóc bởi nhớ ba, nhớ bạn bè, xóm giềng ở Huệ Đức, Long Xuyên.

5

Căn nhà ở phố huyện Diên Sanh vắng chủ suốt hơn hai năm trời. Chìa khoá được trao cho một người thợ may trong làng. Sáng sớm, ông thợ ra mở cửa, đặt lại đầu máy may vào bàn có chân đạp, dọn hàng may mặc. Xê chiều, ông dẹp hàng, dỡ đầu máy để mang vào nhà trong xóm, đóng cửa lại. Nhưng trong nhà mẹ Phan cũng chẳng mất mát gì. Hai cái tủ gỗ thì công kênh quá, không ai dám khiêng trộm. Trong nhà, chỉ có gian thờ Phật và tổ tiên, ông bà trên gác là có giá trị, dễ bị trộm cắp nhất. Tuy thế, những đồ tế khí như đèn đồng, lư đồng, ảnh Phật Thích Ca được vẽ âm bản bằng sơn phía sau tấm kính trong suốt, với những nét cách điệu đơn sơ, trang nhã, đặt trong khung gỗ chạm trổ gọn nhẹ, chẳng hạn, thì nghe đâu, ông thợ may có một thủ thuật để giữ. Thủ thuật ấy là tung tin có một con rắn hổ, hẳn tu luyện thành Rắn Ngài, thường leo lên đó. Có lẽ vì thế, bọn trẻ ranh hay ăn cắp vặt không dám dở trò.

Và nghe kể lại, căn gác nhà Phan còn là nơi được Thanh niên Gia đình Phật tử tạm mượn để đặt loa phóng thanh, phát những bản tin của Phật giáo, trong những ngày tháng đấu tranh chống chế độ Diêm – Nhu. Nhà Phan là một trong dăm nhà có gác tại phố huyện, có cửa sổ ngay trên tầng gác, lại vắng chủ, rất tiện để đặt làm “trung tâm thông tin – báo chí” của Gia đình Phật tử. Loa đặt ở nhà Phan, có thể vang khắp cả chợ phía trước và vang đến tận nhà thờ Thiên Chúa giáo phía sau, chếch về bên phải, cách ngôi đình làng phía hông nhà không bao xa. Quãng cách từ nhà đến đình làng và từ đình làng đến nhà thờ Chúa, theo đường chim bay, chỉ khoảng một trăm mét.

Cuộc đấu tranh diễn ra ở Diên Sanh chừng như chỉ dăm bảy tháng, thì “Đệ nhất Cộng hoà” ở Sài Gòn bị lật đổ. Căn nhà lại chỉ có mỗi một mình ông thợ may vào ban ngày cùng với khách hàng vắng lai của ông.

Sau khi ba mẹ con Phan trở về, ông thợ may lại gánh bàn máy ra nhà lồng chợ như trước.

Việc trước tiên là mẹ Phan đặt thợ mộc làm một tủ gỗ với những khung cửa lùa gắn kính, dùng để bán hàng tạp hoá. Như thế là mẹ đã tính toán cả rồi, mẹ không tiếp tục buôn bán chuyên về gạo tẻ và nếp như trước khi vào Nam Bộ. Trong khi chờ thợ mộc hoàn thành chiếc tủ như yêu cầu, mẹ có những người bà con, anh em từ làng ngoại vào giúp việc quét dọn, tẩy rửa nhà, rồi thuê thợ quét lại

vôi, sơn lại cửa. Mái nhà được lợp bằng ngói liệt dày cả tắc với rui mè gỗ tốt, nên không hề hấn gì. Nhà khá trống, nên xem ra việc sơn quét cũng không phải lúng túng vì đồ đạc.

Chị em Phan cũng bắt đầu đi học lại. Phan được mẹ xin vào học lớp ba (nay cũng gọi là lớp ba) Trường Tiểu học cộng đồng Hải Thọ, ở cuối làng, giáp với làng Cầu Hoan, xã Hải Thiện. Từ nhà đến trường cũng gần một cây số, đi trên đường huyện lộ khá rộng, trải và đắp bằng đất đỏ. Khi Phan vào học, trời cũng đã chuyển sang cuối thu, những cơn mưa đông đã bắt đầu. Mặt đường nhào nhoẹt bùn đỏ, nếu có xe bốn bánh chạy. Những tuần đầu, Phan được thầy giáo khen ngợi, cho điểm số cao. Nhưng điều đó cũng khiến những đứa bạn học thuộc nhóm nhỏ “nhãi ranh” thích gây gổ nhắm Phan làm đối tượng quậy phá. Một lẽ khác, vì Phan còn nói giọng Nam Bộ, nên chúng xếp Phan vào loại “mất gốc”, đáng ghét, theo thành ngữ “chửi cha không bằng pha tiếng” (dù là tiếng Việt, chứ không phải tiếng Tây!). Theo chúng, nếu đúng là dân Nam Bộ, nói giọng Nam Bộ, thì đó là chuyện bình thường, nghe cũng hay, nhưng người gốc Quảng Trị mà “học đòi” nói giọng Nam Bộ, chúng không chịu nổi! Đúng là rất trẻ con, buồn cười. Chúng không hiểu là ở tuổi nhỏ, lai giọng, đổi giọng nói, mau thuộc những tiếng địa phương khác là bất giác, rất bình thường. Do đó, – một phần vì đi học xa, mưa ướt, bùn lấm, lại thường bị bọn “nhãi” chọc phá, bản tính Phan lại không dễ cam chịu khuất phục chúng, khiến Phan vừa rất căng thẳng, vừa mất tinh thần học tập – nên mẹ quyết định cho Phan qua học tại Tiểu học tư thục Mai Khôi, nơi Phan đã trải qua lớp mẫu giáo. Chị Linh của Phan lại khác, nhờ chỉ chơi với bọn con gái, con gái vốn hiền lành hơn, nên không có gì xảy ra.

Mới vào học tại Mai Khôi, trong trạng thái tinh thần đó, Phan không thể giải nổi bài toán đố lớp ba, nên *ma xơ* thường được gọi là “chị lớp ba” đưa Phan xuống học lại lớp tư (tức lớp hai)! Đây cũng là một đòn trời giáng đối với Phan. Nhưng chỉ trong vài tháng cam chịu ngồi lớp tư, Phan lấy lại được tinh thần, và quá xuất sắc, đến mức sau hai buổi kiểm tra của các *ma xơ*, gồm “chị lớp tư”, “chị lớp ba”, “chị lớp nhì” (lớp bốn) và “chị bề trên” (hiệu trưởng), Phan cùng với hai người bạn được chuyển thẳng lên học lớp nhì, khỏi phải học lớp ba! Thật là cả một sự kiện đáng vui mừng đối với Phan và mẹ Phan. Suốt hai năm lớp nhì, lớp nhất (lớp năm, cuối cấp), bài làm văn của Phan thường được *ma xơ* đọc trước lớp, với lời xuýt xoa khen ngợi. Cuối năm, được lãnh phần thưởng cao nhất. Tốt nghiệp, ngoài phần thưởng lại được kèm với bằng danh dự toàn trường, với ý nghĩa toàn trường chỉ được một học sinh duy nhất đạt mức vinh danh như vậy.

Đó là chưa kể, có một thời gian Phan cùng người bạn kẻ sát bên nhà được xin vào học nội trú tại Mai Khôi, mặc dù trường ở ngay phía sau nhà, cách nhà chỉ một con đường làng và với quãng cách chỉ năm, bảy mươi mét. Nhưng rồi cũng chỉ vài tháng, cả hai đều lại là học sinh ngoại trú, vì về nhà với mẹ vẫn thoải mái hơn.

Suốt hai niên học này, cũng là thời gian Phan phải trở lại đi nhà thờ, xem lễ mi-sa vào mỗi sáng chủ nhật, còn thêm mỗi chiều tối phải đến đọc kinh khoảng hơn nửa tiếng đồng hồ theo đám Thiếu niên Thánh thể. Phan còn phải học lớp giáo

lí để chịu phép xưng tội, rước Mình Thánh Chúa và sau đó chịu phép thêm sức nữa. Lần chịu phép thêm sức, Phan có thêm một “ông bọ (bố) đỡ đầu”, mang tên thánh của ông “bọ” này, là Phê-rô (Pièrre). Chị bề trên lại nói:

- Đã Mi-ca-e, tên của vị Tổng lãnh Thiên Thần, lại còn được cả Phê-rô, tên của vị Thánh xây dựng Giáo hội và giữ chìa khoá Thiên đàng nữa! Con như rúa là rất diễm phúc, được hưởng hồng ân Chúa. Con phải đến nhà thờ đọc mười lần kinh “*Lạy Cha*”, mười lần kinh “*Kính mừng*”, mười lần kinh “*Sáng danh*” để tạ ơn nghe!

Phan đáp “Dạ”, cúi đầu biết ơn Chúa và chị bề trên.

Cuối năm lớp nhất, Phan được công nhận, cấp bằng tiểu học, nhưng lại chuẩn bị thi vào Trường Trung học công lập Hải Lăng, chứ không học Trung học tư thực Minh Đức do linh mục Thiên Chúa giáo làm hiệu trưởng. Chính cậu của Phan, em của mẹ, từ làng ngoại vào, đi nộp đơn dự thi cho Phan, sau khi bàn với mẹ:

- Cho cháu dự cuộc hạch vào trường công lập. Học sinh công lập oai hơn học sinh tư thực một trời một vực, lại được miễn phí nữa, tội gì học “trường Cha”!

Tất nhiên cũng như mọi người, mẹ đồng ý ngay.

Đó là vào mùa hè năm 1967. Mùa hè ấy, Phan đỗ vào Trường Trung học công lập quận Hải Lăng với vị thứ 5/100. Trong kì thi, ở bài làm văn, Phan kể lại một câu chuyện vốn được in trên một xấp lịch tường được treo trong nhà, có tranh vẽ minh họa, do Tỉnh hội Phật giáo ấn hành, đúng theo yêu cầu của đề bài, truyện phải có thông điệp, ngụ ý “*ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ*”, còn toán đố thì không thể giải sai được, tuy có một vài sơ sót. Các *ma xơ* khi nghe Phan đỗ vào trường công lập, cũng vô tư ghé nhà chúc mừng.

Thời điểm này, chiến tranh cũng đã diễn ra ngày càng khốc liệt hơn. Ngay tại Chi khu Hải Lăng, cũng đã có năm ba lần quân đội Giải phóng tấn công. Xen vào đó, là những cuộc chạm súng giữa phe lính chế độ cũ đi phục kích trong đêm khuya với quân du kích cách mạng, thường là trên rú cát. Hầu như nhà nào cũng đều làm hầm trú ẩn, tránh đạn, tránh pháo ngay trong nhà. Thỉnh thoảng, cũng có nhiều cuộc chạm súng ở các làng miệt dưới. Tiếng súng đạn vang vọng lên đến tận phố huyện Diên Sanh, có khi ngay cả vào buổi chiều. Những trận đó, đứng ở cuối chợ Diên Sanh, nhìn xuống, qua một cánh đồng rộng, có thể thấy đạn bay đỏ lù, mỗi cột khói như một chiếc nấm đen đỏ không lồ, có lẽ do nhà ở hay đụn rơm, chỗ thóc bị cháy.

Trường Trung học Hải Lăng và Bệnh viện Hải Lăng kề nhau, toạ lạc trên trảng cát trắng đối diện với Chi khu quận Hải Lăng. Vì thế, lần tấn công nào của quân Giải phóng, trường và bệnh viện đều lãnh nhiều vết đạn của hai bên. Vách tường, bàn ghế, băng đen và giường bệnh đều mang thương tích. Mái thì thủng hay sụt ngói, sụt tôn xi măng ép thớ (fibro-ciment). Đặc biệt, có lần, một anh lính Giải phóng không kịp theo lệnh rút quân, kẹt lại ngay trong một lớp học. Anh ấy cầm cự chiến đấu, không chịu đầu hàng, suốt cả một ngày trời.

Vì chiến tranh mỗi ngày một diễn ra khốc liệt, trường của Phan lại đứng ngay trước họng súng từ chi khu chĩa ra, có khi cả sân trường cát trắng trở thành trận địa pháo 105 li do đơn vị pháo binh chế độ cũ từ thị xã Quảng Trị hay đâu đó kéo vào,

rót về các làng phía dưới, đỉnh tai nhưc óc, nên trường phải chuyên xuống cơ sở mới xây dựng, gần nhà Phan hơn, ở khoảng giữa nhà Phan với Trường Tiểu học cộng đồng xã Hải Thọ.

Đó cũng là quãng thời gian Phan đã mười, mười một tuổi. Phan cũng thường theo các người anh, người em bên ngoại hay theo cậu dì ra Thượng Xá, làng ngoại, cách Diên Sanh khoảng 5 cây số đường đi bộ, để thăm, chủ yếu là để chơi đùa, ăn trái trong vườn, tắm sông. Ở làng ngoại, có con sông Nhùng chảy qua. Phan rất thích tắm sông, và nhờ thế, biết bơi lội nhờ con sông Nhùng ấy. Có những lần như thế, Phan đã gặp các đơn vị quân Giải phóng, nói giọng ngoài Miền Bắc, đang đóng tại làng. Trong nhà cậu của Phan, có khi cả tiểu đội treo võng nằm đung đưa. Phan cũng đã chuyện trò với các anh ấy.

Sống giữa cuộc chiến tranh, nhất là trong vùng “xôi – đậu”, biết chiến tranh tuy thấm khốc, máu đổ xương rơi thật, nhưng riết rồi cũng thấy bình thường. Người bên này, người bên kia đều là bà con, ruột thịt, đồng bào cả, nên mặc nhiên Phan cùng bạn bè Phan và nhiều người dân khác, có cảm giác như xem các cuộc đá bóng hay thi đấu bóng chuyền, thậm chí như ngồi châu rìa xem đấu có tướng, nhưng không hào hứng, vui vẻ gì, mà lắm khi chảy rờng nước mắt.

6

Mấy tháng đầu niên khoá ở bậc trung học, Phan và bạn bè vẫn phải học tại cơ sở cũ, đối diện với Chi khu quận Hải Lăng. Đó cũng là thời điểm Phan bắt đầu nhặt dần với nhà thờ Thiên Chúa giáo. Rồi từ đó đến hết hai năm học cuối ở Diên Sanh cũng vậy, cho dù đã xuống học ở cơ sở mới.

Và Phan tìm đến với văn chương.

Từ những năm trước, Phan rất say mê đọc tiểu thuyết. Các loại tiểu thuyết, từ võ hiệp, trinh thám đến phong tục, tâm lí – xã hội, Phan đều tìm mượn. Những người mê đọc tiểu thuyết hồi đó không hiếm. Chú thợ “cúp” gần nhà Phan hầu như chỉ rời khỏi những bộ kiếm hiệp khi có khách vào quán để hút tót. Những người bạn lớn tuổi hơn Phan, như anh Trần Hữu Thoan, đã ra học ở Trường Trung học đệ nhị cấp Nguyễn Hoàng tại tỉnh lỵ Quảng Trị, khi vào thăm nhà vào mỗi chiều thứ bảy, đều mang theo các cuốn truyện trinh thám hoặc tâm lí – xã hội. Cô giáo dạy phụ thêm cho các *ma xơ* ở trường Mai Khôi cũng mê “tiểu thuyết ái tình” thời “tiền chiến”... Đó là những nguồn sách Phan mượn để ngấu nghiến, say mê. Mặc dù sách truyện những năm sáu mươi thuở đó, lưu hành ở phố huyện, ít nhiều sai lạc, ít nhiều phù phiếm nhưng vẫn còn lành mạnh. Có điều, hầu hết chưa phù hợp với lứa tuổi mới lên chín, lên mười và mới hơn mười tuổi của Phan. Ngoài ra, Phan còn có một số cuốn sách riêng, mua tại nhà sách Tao Đàn ở tỉnh lỵ Quảng Trị hay Ứng Hạ ở Huế, những khi có dịp ra hay vào hai nơi ấy. Cũng có nhiều cuốn xin từ tủ sách của ông anh, từ lâu học tại cô đô. Đây là loại sách chọn lọc. Trên căn bản tạp nhạp, dở hay lẫn lộn đó, Phan lại có một người thầy giáo dạy thêm, – anh Nguyễn Ba, vốn là sinh viên Văn khoa Sài Gòn –, cảm thụ văn chương cao cấp khá sâu, vừa làm bổn phận ở lớp hè, vừa có lưu tâm riêng, thích chơi với Phan

và anh Thoan, vô hình trung bồi dưỡng cho Phan. Do đó, năng khiếu văn chương của Phan được nảy nở, nhưng “kiến thức sách vở” già giặn hơi sớm. Dầu vậy, nhờ thế, mức độ hiểu văn thêm tinh nhạy, và kĩ năng diễn đạt của Phan cũng nhờ đó mà khá lưu loát. Trong lớp học, Phan giỏi đều các môn, gồm môn toán, nhất là toán hình học, nhưng đặc biệt vẫn trội lên môn quốc văn.

Những năm tiểu học ở Diên Sanh, không kể “sự cố” với nhóm “nhãi ranh” khiến Phan phải chuyển trường từ công lập Hải Thọ về tư thục Mai Khôi, cùng những tháng ngày khởi đầu bậc trung học này, đối với Phan, nhìn chung, là khá tự hào và tự tin. Cái sự cố “chửi cha không bằng pha tiếng” ấy, thật ra, nào có đáng kể gì so với những tháng năm tốt đẹp khác.

7

Tết Mậu Thân 1968 đối với nhà Phan cùng một số không ít các nhà ở Diên Sanh đúng là một biến cố.

Hình như vào đêm giao thừa, súng nổ vang rền ở phía Chi khu quận Hải Lăng, trên rú cát. Cả nhà Phan, ba mẹ con cùng chị giúp việc đều chui vào hầm trú ẩn vốn được chắt bằng những lớp bao cát, gác hai tấm phản ngựa lên trên, lại phủ bằng những lớp bao cát khác, ngay trong nhà, từ mấy năm trước. Sáng sớm, nghe xóm giềng gõ cửa, báo có lệnh phải tản cư vào phe giáp Tư, phía trong. Ngoài đường, đã có những đoàn người tay xách nách bông. Không thể khác được, nhà Phan cũng phải tản cư. Phan chỉ mang theo chiếc đài bán dẫn, mẹ và chị Linh cùng chị giúp việc lễ mễ xách áo quần và các đồ cần dùng. Đây là lần đầu tiên chiến trận kéo dài từ khuya hôm trước đến gần sáng ngày hôm sau, và nghe đâu còn tiếp diễn nhiều ngày nữa.

Đêm mừng một Tết, ở phe giáp Tư, Phan vẫn ngủ say như mọi đêm. Nghe đâu đêm ấy cũng không có gì ngoài vài loạt đạn. Đêm kế tiếp, người láng giềng vì sợ nhà bị trộm cướp, nên đánh bạo lên về. Và ông còn bắt vào một con heo cỡ vừa, bị bỏ đói đã hai hôm, gầy nhách. Thế là có một bữa ăn Tết tiếp tục tại nơi tản cư! Như vậy, chiến sự vẫn không có gì. Nhưng đến đêm mừng ba, mừng bốn gì đó, hay muộn hơn vài hôm, nghe đâu lính Mỹ đã thực sự hành quân, tái chiếm nơi này, lùng soát nơi kia. Tiếng súng ở phố huyện Diên Sanh có rộ lên dữ dội nhưng không lâu. Có cả tiếng máy bay lên thẳng quần quanh, đảo vòng. Và đâu đó thay, những ánh lửa cháy nhà, cháy chợ đã bùng lên!

Khi được lệnh hồi cư, về đến ngã ba Bến Xe, Phan thấy xác một người du kích cháy nám, với dấu vết chiếc khăn dù nguy trang và đôi dép râu còn lại, nằm phơi giữa đất. Người lớn cùng đi khễ dạn nhau và bảo bọn con nít như Phan đứng đứng lại nhìn, kéo mang họa. Về đến nhà, đứng trước căn nhà đã cháy rụi, mái ngói đổ xuống, ván và đà gỗ đã thành tro, chỉ còn trơ hai bức vách xây bằng gạch vồ đôi, bỗng trở nên cao vút. Phần mặt tiền căn gác với chòm chữ số 1960 vẫn còn, nhưng nám đen, nứt nẻ, đe dọa sập xuống. Trên nền nhà, hàng hoá còn âm ỉ cháy, bốc khói khét lẹt. Điều khiến Phan tiếc và thương nhất, tiếc và thương đến rung nước mắt là con chó xi của Phan đã hoàn toàn mất tích hay đã chết cháy đâu

đó trên nền kia! Khi tản cư, Phan đã dẫn nó theo, nhưng người lớn cùng tản cư không cho. Phan đành phải quay trở lại, mở cửa, nhốt nó trong nhà, không quên mở sẵn vài bao bánh bích quy và đổ đầy nước vào chiếc thau nhỏ cho nó!

Với mẹ, thế là cơ ngơi tài sản không còn gì nữa, ngoài một nền nhà cháy và hai bức vách cùng phần mặt tiền chực đổ kia! Mẹ khóc ngất. Gia đình người láng giềng khóc ngất, vì cũng gặp hoàn cảnh tương tự. Nhiều tiểu thương ở các nhà lồng chợ cũng khóc ngất trước cảnh hoang tàn, tro than của chợ.

Một số bà con ở làng ngoại liền vào tìm mẹ, chị Linh và Phan. Họ cũng hơi buồn tiếc nhưng rất mừng rỡ khi thấy ba mẹ con Phan vẫn còn sống và khoẻ mạnh. Thế là gia đình Phan phải ra làng ngoại tá túc trong thời gian chờ dọn dẹp, sửa chữa, dựng lại mái nhà, chủ yếu là để chính quyền cũ rà tìm bom đạn. Bà con không đưa mẹ, chị em Phan về phe giáp Hạ, vốn là nơi có nhà ông bà ngoại Phan, hiện là nhà của các cậu dì Phan, mà ra phe giáp Thượng, nơi người chị dâu của mẹ lấy chồng, sinh sống. Nhà dì cả ấy của Phan cũng ở ven con sông Nhùng, phía đi lên thượng nguồn, cũng thuộc đất làng Thượng Xá.

Gia đình mẹ Phan trải qua gần trọn một tháng giêng ở phe giáp Thượng làng ngoại. Trời còn lạnh rét, lại thêm mưa dầm. Đó là những ngày Phan có dịp cùng hai người anh con bà dì cõi trâu lên những vạt cỏ quanh những rìa rú cát, nhìn chúng lặng lẽ nhai cỏ ướt mưa, hay cùng cầm nơm, cầm oi đi đánh cá dọc những khe nước, ruộng lúa. Có lần, anh em Phan hoảng hồn, nằm bẹp xuống cát hay núp vào những gò đồng, bụi cây nào đó, vì bị máy bay lên thẳng do Mỹ lái, bắn bằng súng đại liên. Đạn cày trên cát ướt thành rãnh, thành lối. Khi chúng bay khỏi, ba anh em mới thật sự hoàn hồn, bảo nhau rằng bọn xạ thủ Mỹ chỉ bắn dọa, chứ giữa ban ngày, giữa rú cát trắng, nếu chúng cố tình bắn chết, thì đâu khó gì!

Trong những ngày đó, thỉnh thoảng cũng có dăm người học sinh trung học thuộc trường Minh Đức hay trường Hải Lăng ghé thăm mẹ Phan và chị em Phan. Khác với những năm trước, khi họ còn vào học tại Diên Sanh, nay họ đã trở thành du kích, với trang phục mới nhìn qua, biết ngay là họ đứng trong hàng ngũ đó đã mấy mùa rồi. Họ cũng không có ý định giấu giếm hoạt động của mình, vì đây là Thượng Xá, một làng quê hầu như nhà nào cũng là cơ sở cách mạng, có người thân đang trực tiếp tham gia cách mạng.

Trong những ngày đó, Phan đã nhìn thấy những người chị con của bà dì đêm đêm xuất hiện, súng AK quàng trước ngực, sau lưng là gùi hàng tiếp tế, mũ tai bèo hay mũ cối với tấm vải dù nguy trang. Đó là những người chị mà Phan nhiều lần gặp, khi họ vào Diên Sanh đi chợ, bán rau quả, mua hàng công nghệ phẩm, tân dược. Và Phan còn biết rằng, nhà dì Phan là cả một kho hàng, được chôn giấu rất kín đáo, là một trạm tiếp tế cho quân chính quy trên rừng sâu.

Có một đêm, chắc khuya lắm rồi, Phan nằm ngủ, chợt thức giấc, mở mắt ra, thấy trong nhà có cả hàng chục lính du kích, trang bị súng đạn đầy đủ, và người nào cũng có ba lô gùi hàng trên lưng hay đặt sẵn dưới chân. Bỗng dưng, tất cả đột nhiên im lặng, nhẹ nhàng rút, hình như theo hiệu lệnh nào đó. Không lâu sau, một khuôn mặt sơn xanh với chiếc mũi nhọn xuất hiện ở cửa sổ, khiến Phan suýt hét lên vì sợ, nhưng không hiểu nhờ đâu, Phan vẫn cố nín lặng nằm im. Có lẽ, tuy còn

nhỏ tuổi, nhưng Phan đã kịp hiểu, đó là khuôn mặt của một trong những tên lính Mỹ, thuộc loại biệt kích, đã sơn phết để nguy trang. Trong tình huống đó, nín lặng nằm im là tốt nhất. Sáng mai ra, Phan hỏi khế, mới biết đó là lính Mỹ ở đồn cầu Nhùng. Trinh sát của du kích đã phát hiện Mỹ đi dò tìm để tập kích (có lẽ theo chiến thuật “Tìm và diệt” của chúng), nên đã báo cho toán du kích trong nhà lạng lẽ rút trước.

Đến hôm cả ba mẹ con Phan cùng chị giúp việc vào lại nhà cũ tại Diên Sanh, thì chính người chị con bà dì, vốn là du kích từ lâu, cũng cùng vào. Các cậu dì ở phe giáp Hạ cũng đã vào, chờ sẵn. Bà con chung tay dọn dẹp, kéo đồ phần mặt tiền căn gác và hai đầu hồi phía trên hai bức vách gạch vồ, rồi kéo tôn thủng đầy vết miếng, lỗ đạn, méo mó thuộc nhà sau ra khỏi nền nhà, để dựng kèo tre, đòn tay tre, lợp mái bằng những tấm tôn mới toanh, to và rộng bản, được gọi là “tôn giấy”, vì nhẹ như giấy, do Mỹ viện trợ, “tạm bồi thường” cho những nơi xảy ra chiến sự. Thế là căn nhà gác của Phan, mái ngói liệt vốn đổ nước mưa ra máng treo phía mặt đường và máng nối giữa nhà trên với nhà phía sau, nay hai đầu hồi phải kéo đồ để tránh nguy cơ ngã xuống, thành ra hai mái tôn đổ nước mưa ra hai bên vách. Vách phía nhà lạng giềng phải treo máng nước. Vách phía sân đình làng, nước từ mái đổ hẳn xuống đất. Như thế, có một đầu hồi trông ra phía chợ. Trong những ngày người chị con bà dì giúp mẹ dọn dẹp, dựng lợp lại nhà ở, không một ai biết chị vốn là du kích và chị cũng rất thần nhiên, không hề tỏ ra dấu hiệu nào là sợ sệt hay lo âu bị phát hiện. Có lẽ kinh nghiệm, trực giác nhạy bén và sự dạn dày trong nhiệm vụ đã tôi luyện bản lĩnh cho chị.

Và bây giờ, Phan mới thực sự nhận ra, một cách hết sức rõ rệt, cả mẹ Phan, bản thân chị em Phan từ lâu đều mặc nhiên, vô hình trung, một cách không ý thức, đã hợp tác với lực lượng du kích ở làng ngoại. Họ tin vào gia đình Phan, nói cho đúng, như một nơi buôn bán với lực lượng du kích đáng tin cậy, chứ không phải như một cơ sở nằm vùng của Cách mạng. Ngay với hai người anh con bà dì, trạc tuổi Phan, chênh nhau vài tuổi, hiện còn đi học ở Minh Đức, sự tin cậy vào gia đình Phan cũng thế. Ngày ngày đều ghé vào nhà Phan ăn trưa, nghỉ trưa, chiều đi học về, lại chờ theo ra nhà, trong bao ni lông đựng sách vở, hoặc là pin, hoặc là vị tinh (bột ngọt, mì chính) hoặc là những lọ thuốc kháng sinh... Chính mẹ Phan hay Phan đã gói ghém cho mấy người anh ấy.

Điều chắc chắn hơn nữa, lực lượng du kích, trong đó có những người bà con ở làng ngoại, biết gia cảnh của gia đình ba mẹ con Phan (ba Phan đang là sĩ quan của chế độ Sài Gòn), không phải thuộc đối tượng đáng ngờ của an ninh quân đội ở Chi khu quận Hải Lăng. Có thể họ cũng có lần khuyên khích mẹ Phan trong việc buôn bán với lính tráng, nghĩa quân, địa phương quân, cán bộ xây dựng nông thôn, thậm chí với cả những cô gái chuyên bán bia lon, cô-ca lon ướp đá cho binh lính Mỹ ở những điểm chúng đóng quân trong địa bàn huyện như Hội Yên, Trường Phước, để không bị nghi ngờ một chút gì cả. Và lại, mẹ Phan từng là cán bộ Việt Minh, cũng đáng tin hơn đôi với Cách mạng. Thật ra, Phan nghĩ, mẹ Phan chỉ là người buôn bán tạp hoá bình thường, kiếm chút tiền lãi để nuôi con ăn học, và bất kì ai đến quán để mua, mẹ đều bán cả. Có điều, tuyệt đối không bao giờ dám làm

phiền hại, mắt lòng một ai, cho dù bên này hay bên kia, cách mạng hay nguy, cũng như thể người đứng ngoài, vô tư xem đá bóng, đấu bóng chuyền hay đọ cờ tướng, nhưng lòng chẳng hào hứng, vui vẻ gì, thậm chí nhiều lúc giật mình, lạnh người âu lo (có thể bị bắt bớ, truy tố về tội gián tiếp hay trực tiếp tiếp tay cho Việt cộng).

Sau Tết Mậu Thân 1968 cho đến lúc Phan học xong lớp đệ lục (lớp bảy) vào mùa hè năm 1969, lính Mỹ xuất hiện ngày càng nhiều ở Quảng Trị và khắp cả Miền Nam. Ngày nào cũng mù mịt bụi do nhiều đoàn xe công voa (convoi) quân đội Mỹ và Đại Hàn chạy trên đường quốc lộ, đoạn quốc lộ cũ từ ngã ba Long Hưng chạy qua cầu Nhùng và qua bên xe Diên Sanh vào tận cầu Mỹ Chánh (khác với đoạn đường mới, phía trên rú cát, sau mùa hè đỏ lửa 1972, được gọi là “*Đại lộ kinh hoàng*”). Thậm chí, huyện lộ từ bến xe Diên Sanh chạy về Mỹ Thủy, dẫu còn là đường đất đỏ, chưa đổ đá dăm, tráng nhựa, vẫn có các đoàn xe quân sự chạy qua. Vì thế, mẹ mong Phan thoát được hoàn cảnh chiến tranh và sự dày đặc lính tráng ngoại quốc tại quê xứ Quảng Trị này. Phan cũng vậy. Những mẩu chuyện trong cuốn “*Tâm hồn cao thượng*”, nhất là những mẩu lịch sử dân tộc Việt mình đã giúp Phan đủ sức mạnh vượt thoát khỏi gấu áo mẹ, vượt thoát khỏi Quảng Trị, một Quảng Trị thưở đó như thế, giúp Phan chịu đựng nỗi khổ xa mẹ, chấp nhận cảnh phải tự đi chợ nấu ăn hằng ngày cho cả hai anh em đang đi học tại Huế. Đây là lần đầu tiên trong đời, Phan phải làm những công việc bếp núc, chợ búa này. Ở Diên Sanh, nhà Phan luôn luôn có người giúp việc thay mẹ, vì mẹ phải suốt ngày trông quán tạp hoá, hai chị em Phan còn bé, chỉ lo ăn học.

Huế đối với Phan đã rất quen thuộc vì những năm còn học ở Diên Sanh, Phan thường một mình lên xe khách vào Huế thăm anh và để mua sách báo hoặc chỉ đi xem chiếu bóng! Năm lớp tám (từ năm này, không còn gọi theo thứ bậc là đệ ngũ nữa), Phan thực sự gắn bó với Huế.

Huế chỉ sống trong vô thức, tiềm thức của Phan từ lúc sơ sinh cho đến năm Phan lên bốn. Huế của Phan những chiều thứ bảy, sáng chủ nhật và những mùa hè từ Quảng Trị vào thăm... Và riêng năm học 1969 - 1970 này, Huế càng rất máu thịt với Phan. Dẫu sao, Huế cũng là quê sinh của Phan, nơi Phan được chôn nhau cắt rốn.

Huế còn là đất thánh của hương sen và thơ ca.

TXA.
11:00, 28-01 HB12 (2012)

CHƯƠNG II 1969 - 1973

*yêu quá đáng người nét đất
nơi nơi xa thành thiên thai
(Quê quán,
trong tập thơ “Lặng lẽ ở phố”, 1995)*

Kính tặng cha tôi, một người yêu quê hương, Đất nước, theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, được miễn học tập cải tạo sau Ngày Thống nhất 30-04- 1975.

Thân tặng: Nguyễn Đăng Chín, Cao Văn Phi, Nguyễn Tấn Sĩ, Hoàng Thị Nhụy, Phạm Dương Nam, Võ Công Thảo, Nguyễn Ngọc Khôi, và cộng tác viên thân thiết của nhóm bút: Huỳnh Ngọc Chiến, Trần Ngọc Thọ.

1

Học xong lớp đệ lục ở Quảng Trị, mười hai tuổi rưỡi, Phan lần đầu đến Tam Kỳ và có một mùa hè phố thị. Nhưng mãi đến mùa hè năm sau, khi từ giã ngôi nhà mà Phan được chào đời, từ giã Hàm Nghi - Quốc tử giám, mái trường cổ kính nhất Huế, cổ hơn cả Quốc Học, chú bé này mới thật sự sống với mảnh đất trung tâm chia đều đường sắt xuyên Việt.

Một năm học ở Huế với nỗi lẻ loi, chất thơ của xứ sở trầm mặc đã ngấm vào, gọi dậy những rung cảm mơ hồ, nhưng có khi da diết đến tức tưởi, dù rất vô cớ.

Những con đường xanh. Những khu vườn xanh. Những rêu xanh trên thành quách và vàng son cũ với những vết thương lở loét do bom đạn...

Huế của chú bé Phan không chỉ thế, Huế còn sinh động với nhiều nơi chốn khác.

Những lần lang thang đến nhạc viện, trường kịch nghệ, những phòng tranh, rạp chiếu bóng. Những lần có giờ trống, cùng bạn bè qua tòa thượng thẩm xem xử án, bị mê hoặc bởi giọng điệu hùng hồn của luật sư. Và những lần bãi khóa, mít tinh, biểu tình, Phan sừng sốt, khâm phục trước tiếng hát, lời cáo trạng chế độ từ lòng ngực sinh viên, rồi ngỡ ngàng trước sự thăm hỏi của dân biểu quốc hội ngụy...

Huế của tuổi mới lớn trong Phan như vậy. Huế ấy đã cùng anh vào Tam Kỳ.

Tam Kỳ nhỏ bé với một đường phố sầm uất duy nhất mang vẻ khô khốc.

Nhưng chính ở nơi đây, chất thơ tiềm tàng đâu đó trong nắng gắt và đất cằn đã tạo ra một quê hương của nhiều thi sĩ và chí sĩ.

Bấy giờ, với một cảm thức non nớt, Phan mơ hồ nhận được một điều gì đó không còn sương khói đến mềm ướt hoặc ngỡ như bùng lửa trong không gian quanh mình.

2

Nhớ mãi một gò đất hoang chỉ có một túp lều xiêu vẹo và một ngôi miếu cổ bên gốc cây thập bốn mùa xanh mướt. Đó là nơi tụ tập của lũ trẻ trong xóm. Đứa lớn nhất cũng là đàn anh của nhóm. Anh ấy mồ côi, thuộc nhiều câu thơ bi thảm, u uất, và cả thơ đầy hào khí nữa. Anh say truyện Kiều với rất nhiều bài thơ luận chiến về Kiều.

Dưới bóng cây trưa, lũ trẻ ngồi nghe anh đọc thơ, bình giảng. Mắt anh mờ đi, có khi gần như khóc, thỉnh thoảng lại chói lên, gần như tóa lửa.

Em về điểm phấn tô son lại

Ngạo với nhân gian một nụ cười!

Dù là chàng trai quá nhiều mặc cảm nhưng anh vẫn rất cảm khái với từ “Ngạo” của Thái Can. Giọng Quảng của anh đọc thành “Ngộ”. Lúc đầu, Phan cứ đinh ninh là anh đã ngộ một chân lí, một triết lí sống để có thể sống được.

Anh là “người thầy” của Phan bên ngoài lớp học.

Anh không phải là người đầu tiên dẫn Phan đến cửa ngõ của văn triết. Tuổi ấu thơ Phan đã có những hai “người thầy” bên ngoài lớp học như vậy. Nhưng anh vẫn là người đã đánh thức cảm quan văn điệu thông thiết lẫn hùng tráng trong tâm hồn Phan.

Và Phan sau này mới biết gò đất hoang ấy chỉ là một góc nhỏ của Tam Kỳ. Phan còn có ở tỉnh lỵ này những “người thầy” là bạn học cùng lớp, cùng trang lứa nữa.

3

Thầy giáo hướng dẫn năm lớp chín của Phan là một tu sĩ dạy công dân giáo dục kiêm cả hai môn sử địa. Tấm áo chùng trắng toát của Thầy với gương mặt khắc khổ của người ăn uống theo lối tân dưỡng sinh, quanh năm gạo lứt muối mè, như mãi khắc vào trí nhớ Phan. Ấn tượng đậm nhất về Thầy còn đọng mãi trong Phan là cái nhếch môi cay đắng gần như cay cú. Có phải nơi Thầy có một tuổi trẻ bừng sôi máu nóng nhưng thời cuộc đã dập tắt, nên Thầy tìm đến kinh kệ và trường chay để nguôi quên hơn là tìm đường siêu thoát?

Những bài giảng về các thể chế chính trị, về kinh tế với các hình thái, về lịch sử và các vùng địa lí, hầu như bao giờ cũng đượm lẫn một tâm trạng u uẩn.

Khi Thầy đã nhập hồn vào bài giảng, không ai còn nhớ đến tấm áo chùng trắng toát tu sĩ nữa. Thầy cực kì cay đắng với lịch sử cận hiện đại và thời cuộc (1858 - 1973). Đặc biệt, khi giảng về Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, hai nhà chí sĩ kiên cường của quê hương Thầy, Thầy như bị thôi miên bởi chính mình. Ngữ điệu, hình ảnh trong lời văn giảng bài của Thầy vừa cường điệu tạo ấn tượng mạnh, vừa biếm lộng đến chua chát, cay độc, khi chĩa thẳng vào chế độ ngụy Miền Nam Việt Nam đương thời.

Lớp Phan vào dịp Tết năm ấy, có một tờ báo tường rực rỡ dựng ngay trước cửa lớp. Lúc ấy Phan và bạn bè nào biết, tâm trạng của Thầy đã phả vào những bài báo non nớt ấy.

Cảm thức thời cuộc đã được khơi dậy.

Và một ngày hội cổ truyền, cây nêu dựng lên, học sinh mặc áo dài khăn đóng, bộ quốc phục ngàn năm, được tổ chức riêng ở lớp Phan, như đánh thức một tình tự dân tộc bị ngủ vùi trong nếp sống phẳng phát chút híp-pi (hippy) hiện sinh của tỉnh lị. Thầy cũng ngạc nhiên, vì Thầy không đề xướng cách tổ chức buổi tất niên như vậy. Đây là lớp tự động bàn với nhau. Khi lớp bàn bạc, Phan có kể lại một ngày hội của trường Nguyễn Du ở Huế do nhà giáo cũng là dịch giả thơ Đường, người Tiên Phước, Tam Kỳ, tổ chức. Và lớp hưởng ứng như một mạch ngầm bùng dậy.

Lớp chín ấy đã tự hình thành một bút nhóm từ bao giờ chẳng rõ. Những say mê toán học, ngoại ngữ đã bị văn chương, báo chí lấn lướt.

Đặc san mùa hè năm đó có bìa in ty-pô (typo), ruột rô-nê-ô (ronéo) trên giấy tốt. Những bài văn, thơ chứa chan tình quê hương dân tộc. Người mẹ Việt Nam là hình tượng khơi nhiều cảm xúc nhất. Phan viết về Mẹ mình vì Phan xa Mẹ. Phan viết về Mẹ Việt Nam vì Phan mơ hồ cảm nhận Mẹ đang đau xót trong cảnh đàn con xâu xé nhau giữa một thế cuộc đau lòng trên chính Tổ quốc mình, mà căn nguyên là bởi thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ và “tả đạo”...

Ban báo chí lớp chín năm ấy gồm những tâm lòng, những nỗi niềm thao thức. Và trường tìm trường giao lưu, “nội vòng tay lớn”.

Bạn bè cũ còn đó, và mãi còn trong tâm hồn nhau cả những năm tháng sau này:

*Tam Kỳ, trời rất thơ ca
thoáng mưa non hạt cho già nắng non
phổ phưởng gió rất trẻ con
reo mai riu rít hát giòn tan đêm*

*Cây Tam Kỳ rất anh em
chìa trăm nhánh biếc bao thêm nhà thân
nghe bồi rối trước ân cần
như có lối giữa vô ngàn mến thương*

*Mắt Tam Kỳ rất thật gương
tôi soi thấy thuở đến trường, băng khuâng
bạn bè trẻ lại, quây quần
ngỡ đang mới lớn, lớn dần trong nhau!...*

Bạn bè cũ còn đó, chắc chắn mãi còn đó một mùa hè dẫu bình thường trong một thời buổi đã xa.

Những nhận thức tuổi ấy còn non nớt biết bao, nhưng những nhiệt tình dễ gì tìm gặp lại trong tâm hồn mình, bởi cuộc sống hôm nay đã khác...

Có một thời, tuổi mới lớn như thế...

Dẫu sao, không thể quên được người tu sĩ với tấm áo chùng trắng toát, trường chay khắc khổ, mang một tâm trạng thường xuyên chua chát, nặng nợ với Đất nước, xã hội hơn là đạo pháp, đạo hữu.

4

Tam Kỳ đã thật sự dẫn dắt Phan và bạn bè chí cốt của mình đến với văn chương.

Ban C (văn chương - ngoại ngữ) năm trước đã có một lớp và đã xuất hiện hai người thơ trẻ trên tập san văn học lớn của cả Miền Nam (Nguyễn Nhật Ánh, và Nguyễn Văn Dũng, tức Luân Vũ, về sau đổi là Ngữ Luân). Năm nay, lớp mười cấp trung học phân ban, ban văn chương - ngoại ngữ có một bút nhóm gần như đông đủ từ lớp chín. Đây là bút nhóm của khuynh hướng trữ tình phê phán với tâm nguyện vì tình tự dân tộc.

Tên của bút nhóm nảy sinh một cách tình cờ nhưng không tình cờ chút nào từ bài dân ca xứ Quảng. Bắt đầu là rung cảm trước vẻ đẹp của từ ngữ giản dị và làn điệu dân ca lạc quan đùa nghịch. Khi tách riêng ra, thành một cái tên, lại đượm những tâm trạng với nhiều ý nghĩa khác hẳn. Đó là Đất Mạ, là Màu Da – biểu tượng của Cao Quý Thiêng Liêng.

Bài dân ca ấy từ trong dĩ vãng, trong tiềm thức của quê hương ruộng rẫy đã cất vang lên giữa sân trường trung học một đêm mưa lạnh, bập bùng tiếng đàn ghi ta thùng và bập bùng ánh lửa. Nhóm sinh viên cứu trợ nạn nhân bão lụt Quảng Đà đang tìm về với quê nhà, hong ấm lại tình quê, tình nước trong cơn đói rét. Suốt một tuần lễ, tay kim, tay búa, cuốc và rựa, học sinh, sinh viên tìm về với dân tộc. Chỉ ở nông thôn, với lũy tre xơ xác, mái rạ xiêu vẹo, với bao người mẹ, người cha khốn khó, bao đứa trẻ bụng ỏng da chì, tình đồng bào ruột thịt, tình tự dân tộc mới thực sự được giữ gìn và còn mãi ấm nóng. Đó là một ngoại khóa mà không bài giảng nào có thể mang lại một chất lửa như thế.

Trong trái tim Phan và bạn bè, chùng vang lên hành khúc, tiếng gọi, để trong những đêm sau đó, còn vọng lên từ đáy lòng mình lời đáp: “*Tổ Quốc ơi, con đã nghe!*”, còn văng vẳng lời bài hát do Thầy hướng dẫn lớp sáng tác: Hành khúc Trần Cao Vân.

Bút nhóm thực sự hình thành, đi vào hoạt động. Có một người bạn gái cùng lớp xin gia nhập nữa. Không ai bảo ban, chỉ vẽ. Như một cụm cây tự mọc, tự đâm rễ, bập chồi. Chỉ là một cụm cây bình thường giữa những phong trào gây sóng gió trong lòng đất một cách cũng bình thường lúc bấy giờ. Phong trào du ca sinh hoạt ở các chùa chiền. Phong trào viển mơ như khát vọng trốn thoát thực tại. “Đất Vàng” (Đất nước - dân tộc da vàng) lại nhìn thẳng vào sự thật của thời mình sống, nhìn thẳng vào thao thức của chính tuổi học trò đam mê văn chương của mình...

Có một thời, tuổi mới lớn như thế...

Những trưa rất thơ ca cùng nhau lang thang trên đường đê ngợp bóng hoa vàng, bên con sông lấp lóa cát và nước.

Những chiều làm thơ trong vườn ổi An Thổ xanh ngắt, thơm lừng mùi mật mía từ các lò đường, mùi dầu phụng từ các xưởng thủ công, tưởng chừng làm đôi khoảng không gian ven đường làng đặc lại.

Những tứ thơ bất ngờ bật ra dưới bóng rừng dương liễu nhìn ra chiếc cầu đường sắt han gỉ, trong những chiều hôm sau ngày sinh hoạt hướng đạo.

Những đêm thức trắng bên bàn viết.

Nhà Nguyễn Tấn Sĩ như một trại sáng tác. Ông cụ của Nguyễn Tấn Sĩ lại thấy tuổi học trò đam mê văn chương của mình.

Những đêm đầy ắp hương thị vàng thơm và tiếng lá xạc xào sau nhà...

Bài vở nộp lại, tìm đến căn gác thầy Nguyễn Văn Bồn (Tần Hoài Dạ Vũ) - một nhà thơ phản chiến, chống Mỹ, yêu nước, nổi tiếng trên báo chí công khai lúc ấy. Có lẽ thầy Bồn ngạc nhiên nhưng biết đó là tất nhiên, vì bài giảng và thơ của thầy đọc trong lớp luôn có lửa.

Có một thời, ngọn lửa dân tộc được truyền đi như thế. Truyền, và biết chắc lửa sẽ được nối tiếp truyền đi. Bởi từ lâu lắm rồi bối cảnh xã hội đã chuẩn bị cho những tâm lòng...

Có một thời, tuổi mới lớn như thế...

"*Tổ Quốc ơi, con đã nghe!*", một bản nhạc của phong trào và những bài viết đã được in rô-nê-ô, bìa ty-pô. Cảm ơn ông chủ nhà in, anh ruột của một người trong nhóm. Cảm ơn nhà văn Xuân Tùng không kiểm duyệt dù chức năng bắt buộc như vậy.

- Khỏi. Cứ in đi!

Những bích chương với nhiều câu hỏi xoáy vào lòng người do thầy Bồn viết đã được dán đầy ở các cổng trường trung học trong thị xã.

Báo được treo bán ở các quầy sách.

Những chuyến đi xa đến các trường trung học ở các quận. Những phút hùng hồn đầy tình tự dân tộc và thao thức xã hội trước các lớp bạn ở các trường.

Báo với gần 200 bản bán hết vèo trong vài ngày.

Và số 2 là khát vọng "*Xuân thanh bình*".

Lại những đêm thức trắng, viết, đánh máy trên giấy sếp.

Đâu đó có những lời hăm dọa bóng gió, ở các quầy sách, ở quán cà phê chi Được. Báo vẫn ra, số lượng bản nhiều hơn, bài vở khá hơn (dù bây giờ có dịp đọc lại, chắc sẽ thấy quá chừng thô vụng).

Và đột ngột Phan bị chặn đường, xúc lên xe GMC., đưa vào trại tạm giam. Đêm đó, Phan cứ tin mình chỉ bị bắt vì lí do vi cảnh. Chẳng hiểu sao, một thủ lĩnh học sinh rõ ràng có màu sắc Việt Cộng lại ra nằm ở trại tạm giam, bên cạnh Phan.

Anh ta ngờ Phan là Việt Cộng! Phan chỉ trao đổi vu vơ rồi yên tâm ngủ. Vì lúc ấy, đối lập là chuyện bình thường. Tính chất đối lập, đối trọng đã thành một nếp sống, ngay trong các trường trung học tỉnh lẻ.

Có phải cảnh sát dàn cảnh để tìm đường dây móc nối chăng?

5

Nhiệt huyết bùng lên rồi tự lịm tắt, không ai cấm, không ai trừng trị, dù ngay cả trong gia đình mỗi thành viên của nhóm. Cái chính là sự bê tắc về tư tưởng...

Tuổi mới lớn của một thời như thế...

Và ngọn gió tình yêu đầu đời, năm mười bảy tuổi, lớp mười một, đã thổi dịu những ray rút, trần trở.

Dù trước đó, Phan rất ghét “viễn mơ”, nhưng khi yêu, Phan lại “viễn mơ” như một người không bước trên mặt đất. Thì ra, người ta không thể vượt quá lứa tuổi của mình!

Phan lên đèn trong mộng tưởng như sương và khói.

Những bài thơ tình của Phan thậm chí không phải viết cho người mình đang thật yêu kia nữa. Chùng như Phan có một tiền kiếp nào đó với một người yêu trong tiền kiếp ấy. Thì hiện tại được chia về thì quá khứ xa xăm.

Trong những tháng năm trước, Phan đã biết rung động với một tình cảm “hình như là tình yêu”. Mơ hồ. Mong manh. Dễ vỡ.

Chùng như mỗi người đều có một dáng dung vô thức hình thành khi còn tấm bé từ những huyền tượng trong cổ tích, từ những hình tượng trong văn chương, phim ảnh. Có phải đây là người trong mộng mà không mấy ai có thể gặp trên đời? Và đời người là một hành trình ngược vào sâu thẳm từng tầng lớp thời gian để nhận diện một gương mặt mơ hồ đã kết tinh từ nhiều nguồn đầu đó, và cũng là hành trình phóng tới tương lai để tìm kiếm không người?

Người yêu đầu đời của Phan chỉ là cái cớ cho tình yêu ấy có một hình dáng thật. Tình yêu ấy được đan dệt bằng hàng trăm bức thư, mỗi bức như một tùy bút huyền ảo, có khi gần như một loại tân truyện bay bổng không có một chút cơ sở hiện thực nào trong đời sống.

Cây mộng tưởng ấy không thể sống vì nó làm gì có đất thực tế!

Tình yêu ấy như một giấc mộng dài gần suốt cả năm học. Phan như một kẻ mộng du trong tình yêu, một tình yêu chỉ làm nảy nở trí tưởng tượng và làm đẹp câu thơ.

Đừng trách gì, hồi niềm yêu đầu cũ, vì ai có thể sống hoài trong giấc mộng, cho dù là giấc mộng ngọt ngào!

Và tình yêu viễn mơ đến sớm vào tuổi học trò trung học ấy, mãi đến sau này, khi đã trưởng thành, Phan mới biết đó là một sai lầm, không nên có.

6

Chùng như tuổi mới lớn nào cũng có những cơn địa chấn. Phan còn có một trận bão lũ khóa ngập cả đất trời. Cơn đau của môi tình tuyệt vọng tưởng chìm anh vào cái chết. Phan đã quên người trong niềm đau.

Cũng mảnh đất Tam Kỳ đó!

Và may mắn thay, ở Phan chùng như có sẵn tự bao giờ một sức bền chịu đựng. Phan không học kém đi. Học và viết vẫn là phương châm được khắc lên bàn học.

Với một cách học “tài tử”, Phan tìm đọc rất nhiều sách, vì học trình ban C đối với Phan tự bao giờ đã quá hẫng nhẹ. Từ lúc bùng dậy đam mê văn triết, trừ ngoại ngữ, Phan thường ít học lại những gì đã nghe được ở lớp, kể cả môn toán.

Trong những cuốn sách tìm đọc, có một cuốn tình cờ Phan mua được vì rất mỏng nên giá rẻ:

“*Kẻ tuân đạo*” của Unamuno (1).

Hôm đó như một lạ thường, Phan từ nhà Sĩ đi lên, bỗng dung đâm thẳng qua đường đến tiệm tân dược Ngọc Lan, quặt trái, chứ không quẹo phải như thường lệ. Tiệm sách này không địa lợi lắm và hơi chật chội nên ít người vào.

Tần ngần trước nhiều cuốn sách nhưng không thể mua vì một lí do dễ hiểu, học sinh có bao giờ đầy túi.

Sau khi trả tiền cho cuốn sách mỏng và rẻ ấy, Phan về nhà chúi mũi đọc.

Bàng hoàng như vỡ ra một lẽ thật. Nhưng lạ lùng sao, không có thất vọng đau đớn nào xảy ra trong tâm hồn. Chỉ một địa chấn nhỏ. Có rất nhiều điều người ta đã cảm nhận được nhưng vô thức xua đi, quán tính vẫn ngự trị, và một tác phẩm nào đó chỉ nói lên điều mà vô thức và quán tính bảo phải im lặng như mặc nhiên thừa nhận. Từ mâu thuẫn thăm thẳm không thể nhận biết ấy, người ta vẫn say sưa tìm tòi khám phá khoa học, không chấp nhận một giả thuyết nào chưa được thực nghiệm chứng minh và lô-gích học bảo là hợp luận lí, nhưng vẫn sùng tín những huyền tượng như một thói quen hoặc như một nhu cầu. Và cơ hồ mỗi người đều có riêng một hình ảnh về huyền tượng từ sự tiếp nhận, tái tạo theo lí tưởng thẩm mỹ, lí tưởng sống riêng của mình một cách biện chứng tâm linh, có khi khác xa với nguyên thủy đến không ngờ. Hầu như con người tôn thờ chính khát vọng thăng hoa của mình từ bi kịch của đời sống. Tôn giáo và văn chương nghệ thuật phải chăng có chung cội rễ là Nỗi Đau và ước vọng Giải Thoát, Cảm Thông.

Sách xác tín giúp Phan một điều còn mơ hồ chưa dám nói và cũng không nên nói làm gì, dù sau này, sách vẫn luôn luôn gọi cho anh sự tự tra vấn để tự giải đáp, như một nỗi-niềm-hoài-nghi-khoa-học không nguôi, cho đến khi anh gặp Spinoza (2).

Nhưng quả thực, từ lúc ấy, Phan đủ can đảm để sống khác đi. Tâm hồn anh vẫn khát vọng chân lí và sự thật. Ở đời, có ai thích dối trá, cho dẫu là dối trá lương thiện hoặc “lẽ thật” qua ngàn năm đã thành dối trá! Đâu riêng gì Phan.

Phan thân với một tu sĩ Phật giáo. Nhờ là bạn bè cùng lớp, Phan mạnh dạn trao đổi với người bạn tu sĩ ấy. Thì ra, từ rất lâu, Phật giáo đã biết thế nào là huyền thoại và thế nào là “thực nghiệm tâm linh”, như kết quả của sự tương tác xa xưa giữa Lão học và Thích học (3).

Vâng, tôn giáo, là một hình thái ý thức chưa thể thay thế, và nó không thể chính-trị-hóa. Cũng không thể tôn-giáo-hóa-chính-trị để thay thế tôn giáo.

Không có tôn giáo chắc chắn loài người không đạt đến mức nhân đạo như ngày hôm nay. Nhưng cũng không có cái gì trưởng thành mà không có tuổi ấu thơ của nó, và ấu thơ thì dĩ nhiên, rất hay huyền thoại hoá!

Cơn địa chấn, trận bão lũ nào rồi cũng qua đi.

Có điều, phải chăng vì căn cơ (tạng chất), Phan đau niềm đau tình yêu quá chừng đau đớn, mà sự khám phá qua khảo thị của Unamuno về “Đạo”, dù mang lại sự choáng váng thất vọng, vẫn chỉ là niềm đau xen lẫn với một nỗi niềm không hẳn là buồn!

Phan lại tự tin hơn trong nhận thức, với một nhận thức nhân sinh, một vũ trụ quan không tôn giáo.

Có những vùng đất mà ở đó, diễn ra những bước ngoặt của nhận thức, tâm hồn mình, làm thay đổi cuộc đời mình, ngỡ chừng như sống một cuộc sống khác, thì làm sao quên được!

Hầu như mỗi người có nhiều mảnh đất chôn nhau cắt rốn khác nhau. Những lần sau không phải nhờ cha mẹ, chỉ do chính mình tự sinh nở và cắt chôn.

Con người tự làm nên chính mình trong điều kiện bất kì nào của hoàn cảnh. Con người phải có tự do, độc lập của riêng nó, để trở thành Con Người. Anh học được điều này từ thể nghiệm bản thân và cuộc sống bạn bè.

Phan vẫn xem Tam Kỳ là nơi anh đã từng chết đi và tự tái sinh. Đó là Đất Thánh của riêng trái tim anh, là Quê Hương của riêng tâm hồn anh.

7

Tình yêu như cơn gió thoảng suốt năm. Tình yêu như trận bão làm gãy đổ hết thân cành của một đám mê gàn như cơn say thơ ca ngây ngất, mãnh liệt và đắm đuối. Nhưng thân cành còn non và bộ rễ còn khỏe, cây lại đâm chồi nảy lộc.

Bên cạnh tình yêu, một sự kiện chính trị lớn xảy ra trên Đất nước: những ngày tháng trước và sau hiệp định Paris 1973.

Sân trường được tổ chức như một diễn đàn.

Cuộc đối thoại nảy lửa giữa học sinh và sinh viên sĩ quan Đà Lạt, khiến sự đơn điệu buồn tẻ trong nghiêm trang nhường chỗ cho không khí sôi động, cởi mở.

Cũng vô thức, không hề chuẩn bị trước, Phan đã ứng khẩu một bài phê phán kịch liệt chế độ với những câu hỏi nhức nhối. Những điều này chưa ai nói cho anh: Nhà tù cưỡng bức về tội chính trị và thực chất chính quyền bù nhìn (4).

Nhóm sinh viên sĩ quan Đà Lạt cực kì trí thức và nghiêm túc đến khô cứng, dẫu đã được huấn luyện để đối phó trước mọi tình huống bất ngờ, vẫn không che giấu xúc động. Những trí thức mặc đồ lính nguy ấy không bối rối mà xúc động, và lạ thay, lại đồng cảm, chia sẻ cùng Phan những băn khoăn! Phan không thể chấp nhận sự phi nhân và Phan không thể chấp nhận một tầng lớp lãnh đạo Miền Nam của Đất nước từng là sĩ quan của thực dân! Hầu như sinh viên sĩ quan Đà Lạt cũng vậy. Bởi đó là một sự thật lịch sử không ai không thấy. Và mọi người đành chấp nhận! Lịch sử bày ra một ván cờ trở trêu. Giai đoạn lịch sử này là một kẻ có đầu óc điên rồ, nếu có thể ví von như vậy.

Hai mươi năm ấy phải chăng như một sự thật oái oăm và một tấn tuồng bi hài, mà Phan, bạn bè Phan và cả nhóm sinh viên sĩ quan nguy kia chỉ là nạn nhân, lại là nạn nhân bi đát “vì ý thức được tính bi kịch” (5) trong hoàn cảnh lịch sử mình đang sống. Phải chăng, tận đáy lòng, ai cũng có những khổ tâm riêng?

Lúc bấy giờ, tưởng chừng như vô thức lên tiếng nói và cũng vô thức đồng cảm trong mấy trăm học sinh trước sân trường.

Những tràng pháo tay biểu lộ sự đồng cảm ấy.

Không chỉ Phan. Lên diễn đàn còn có người bạn tu sĩ và một vài bạn khác với nhiều vấn đề buốt bỏng khác.

Phan quả là “gã nghệ sĩ” trẻ tuổi liêu lĩnh một cách chân thành. Quả thực, anh chỉ là gã con trai mới lớn đa tình (với nhiều loại tình cảm) đến mê đắm, và không ngớt băn khoăn trước những vấn nạn của cuộc sống tâm linh và xã hội. Phan vừa đam mê vừa tỉnh táo, vừa nhút nhát vừa táo bạo, vừa sai lầm vừa sáng suốt.

Dẫu mang một gương mặt trầm buồn, trong anh vẫn sống động một người nghệ sĩ dám dấn thân, trải nghiệm đến giới hạn của đức lí, với đôi mắt mở to luôn ngạc nhiên, hiếu kì một cách hồn nhiên. Anh muốn dấn thân trên con đường sống thật để sáng tạo.

Dẫu sao, anh vẫn chỉ là gã con trai mới lớn!

8

Có một kỉ niệm không thể quên được. Chẳng biết bây giờ người học trò rất nông dân mang dép cao su như “Việt Cộng” thườ ầy còn sống hay đã chết. Còn sống, anh ta đã leo lên đến bậc ghế nào và công hiến những gì.

Từ hôm đối thoại giữa sân trường bốc lửa, có người học trò ở một lớp lớn hơn bỗng mang dép cao su lớp xe tìm cách làm quen cùng Phan.

Anh ta chỉ vào đôi dép đang mang và nhìn Phan mỉm cười.

Phan cũng chuyện trò vu vơ.

Những ám hiệu không cùng tần số như chớp lóe rồi tắt lịm trong cuộc đời.

Mãi sau này, Phan có dịp ngẫm lại, cái tính chất bông bột đến khờ khạo một cách chân tình ở tuổi thanh niên thật dễ thương và cũng quá dễ để gặp tai họa. Tại sao anh học trò Việt Cộng ầy dám bật tín hiệu với Phan trong khi quá biết Phan sống trong một gia đình không có ai dính líu gì với tổ chức của họ, thậm chí, dù muốn dù không, cũng là đối phương của họ?

Sau lần ầy, thỉnh thoảng anh ta vẫn cười với Phan mỗi khi thoáng gặp ở sân trường hay trước hiên nhà. Như một kỉ niệm của tuổi trẻ, lắm khi nhớ lại, những lần gặp gỡ ầy gợi lên chút cảm động nhẹ nhàng. Có phải nhờ vậy, sau này Phan đã “bị” thuyết phục (đúng hơn, là được thuyết phục)?

Phan vẫn tin ở tâm lòng tuổi trẻ. Khi còn tuổi trẻ, dù với chính kiến, hàng ngũ nào, người ta vẫn còn nơi tâm hồn mình cả một trời trong sáng. Vòm trời giữa tâm hồn tuổi trẻ không hề có biên giới và rào gai. Và một khi sự thật lịch sử đã sáng rõ, chỉ một “địa chấn”, họ dễ dàng tiếp cận chân lí xã hội chủ nghĩa, nhất là liên lập trong liên minh quốc tế (một vấn đề khắc khoải nhất!) (6), nếu nhận thức được tính tương đối của chân lí! Không hề có một thứ chân lí bất biến và tuyệt đối trên đời, nữa là chân lí chính trị - xã hội, vốn là một thứ chân lí phải luôn linh hoạt co giãn theo thực tiễn!

9

Rồi Phan lại xa Tam Kỳ. Chỉ ba niên học ở tỉnh lị nhỏ bé ầy nhưng chất chứa biết bao nhiêu kỉ niệm. Những năm đầu bước vào lứa tuổi thanh niên là những

năm xáo động dữ dội và, phải chăng gần như có tính chất quyết định cho mỗi đời người?

Tam Kỳ – một tỉnh lỵ chia đều đường sắt xuyên Việt, bé nhỏ, duy nhất một đường phố sầm uất, khô khốc – lại là nơi chất thơ tiềm ẩn giàu có trong hồn người.

Tam Kỳ, nơi ấy, có những nhà thơ lãng mạn và hiện thực tên tuổi, có những tu sĩ, thầy giáo trần trở, day dứt không nguôi. Nơi ấy, thật sự đã có một khí hậu tinh thần riêng để lớp trẻ nối nhau vươn dậy trong khát vọng ngấm ngấm mà cháy bỏng về chân lí nghệ thuật và chân lí cuộc sống. Nơi ấy, cuộc sống ngỡ chừng đơn điệu, buồn tẻ nhưng vô cùng sôi sục, với những tiếng nói vô thanh xao xuyên tự mỗi trái tim thành khẩn, không giống nhau.

Nhà thơ Huy Tưởng lớn lên ở đó, với rất nhiều đêm gục đầu trầm tư về thân phận con người trong niềm cô độc cùng cực, đã ra đi, làm nên nhiều bài thơ tuyệt vời cho Nổi Đâu, tỉnh thoảng trở về. Trong một đêm thơ nhạc do nhóm Đất Hứa tổ chức, anh đã chống nạng quay mặt ra cửa sổ lập lòe đom đóm như ma trời oan khuất, như bao nhiêu vì sao trên đất tối, không thèm nhìn vào ánh đèn sáng, đọc trầm thống bài “Hồ trường” (7) khắc khoải. Hình như anh muốn đọc cho đất trời nghe.

*trượng phu
không hay xé gan bẻ cột
phù cương thường!
hà tất tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương!
trời Nam nghìn dặm thăm
mây nước một màu sương!
học không thành, danh chẳng lập
trai trẻ bao lâu mà đầu bạc
trăm năm thân thể bóng tà dương!*

*vỗ gươm mà hát
nghe tiếng đầu mà hỏi
trời đất mang mang, ai là tri kỉ
lại đây cùng ta cạn một hồ trường!*

*hồ trường!
hồ trường!
ta biết rót về đâu?
rót về đông phương,
nước bể đông chảy xiết sinh cuồng loạn
rót về tây phương,
mưa tây sơn từng trận chứa chan
rót về bắc phương,
ngọn bắc phong vì vút, đá chạy cát buồn
rót về nam phương,
trời nam mù mịt*

có người quá chén như điên như cuồng!

*nào ai tỉnh, nào ai say
chí ta ta biết, lòng ta ta hay
nam nhi sự nghiệp ư hồ thi
hà tất cùng sâu đối cỏ cây!*

Nhà thơ Thành Tôn thành danh trên báo chí cả Miền Nam vẫn âm thầm trong bộ quân phục. Anh sống và làm việc với phận sự một người lính ngụy lặng lẽ. Anh đâu biết rằng chính sự hiện hữu một cách âm nín của anh ở tỉnh lỵ, quá đỗi âm nín, vẫn vang vọng những làn sóng đến những trái tim trẻ về thơ ca.

Và nhà văn Xuân Tùng, thầy Nguyễn Văn Bôn (nhà thơ Tần Hoài Dạ Vũ), thầy Trương Sư Xuyên và anh Nguyễn Hữu Thâu...

(Xin được gặp ở đây một nén nhang tưởng tiếc Ngũ Luân, một người thơ tài hoa còn quá trẻ).

Những trí thức ấy, những tấm lòng ấy, ở một nơi như Tam Kỳ thân yêu, chính họ, đã tạo ra một khí hậu cho tuổi trẻ. Họ tạo ra một trường ảnh hưởng mà họ không hề hay biết.

Phan và bạn bè anh cũng không hề hay biết về khí hậu ấy, dù đã thực sự sống trong tiếng động tương tác thâm lặng của vùng khí hậu rất riêng ở tỉnh lỵ của một thời đã xa kia.

Cuộc sống cứ mãi hoài trôi đi một cách vô thức. “Người ta sống là để sống”, chứ không thể cứ mãi chiêm nghiệm về cuộc sống, phần lớn là mảnh vụn thường ngày. Muốn chiêm nghiệm phải cần một độ lặng cần thiết của thời gian.

Phan đang ngoảnh lại đời mình những năm mới lớn và ngỡ ngàng băng khuâng cho những vụng dại, những say mê quá đỗi vô tư. Đúng hơn, là cả một đam mê cháy bỏng khát vọng sáng tạo (đến mức chỉ với bức xúc vật, Phan xin rời bỏ gia đình để về ở chung với bạn, những tháng cuối của năm học lớp mười một!).

Nỗi đam mê cháy bỏng về khám phá, sáng tạo thơ ca dễ khiến người ta đến với tình yêu hơi sớm (để làm thơ tình cho người lớn!), dễ xúi dại người ta tự trở thành đứa con hoang (chứ không phải thoát li gia đình để làm công tác cách mạng!)! Từ khí hậu kia hay từ trái tim Phan, vang vọng lên tiếng gọi, bằng bạc mà tha thiết, hướng tới chân trời là trang giấy trắng, lóng lánh nét chữ ghi lại những câu thơ của lòng mình, chút lòng mình gửi đến cuộc đời.

Mỗi người đều có một tuổi mới lớn của riêng mình, và chắc chắn đều có lắm thú vị. Cuộc sống mãi mãi thú vị, cho dù bị kịch đến mức nào, nếu ta thoát được và có dịp ngoảnh nhìn lại bi kịch ấy. Vượt qua bi kịch, mắt sẽ sáng hơn, chân sẽ vững hơn trên đất đai Tổ quốc. Phan cũng vậy. Xin được mỉm một nụ cười về những năm tháng đã trở thành xa xưa. *Tam-Kỳ-Xa-Xưa* ấy đang không ngừng chảy trong máu anh và trong máu bạn bè.

Ước chi kỉ niệm thuở đó mãi là một hạt sương bé nhỏ được lóng lánh khát vọng rất thơ ca và không chỉ cho riêng mình – Phan và mỗi bạn bè Phan có lẽ đều khiếm tốn nghĩ thế.

TXA.

Viết ngày 28.X.1993

Sửa chữa, bổ sung ngày 04.VII.1995;

tháng 10.1996 và tháng 05.2003 tại TP. HCM.

(Bài đã đăng trong *Kỉ yếu Bốn mươi năm thành lập Trường Trần Cao Vân, Tam Kỳ, Quảng Nam, 1955 - 1995*).

- (1) Unamuno, “*Kẻ tuẫn đạo*”, Trần Xuân Kiêm dịch, Quế Sơn – Võ Tánh xb., Sài Gòn, 1971.
- (2) Spinoza: Vượt qua hoàn cảnh bi kịch bằng óc phân tích và thái độ dũng cảm.
- (3) Nhất Hạnh, “*Đạo Phật đi vào cuộc đời*”, Lá Bối xb., Sài Gòn, 1966.
- (4) “*Không có thì đánh cho có, có thì đánh cho chừa*” (“khẩu hiệu” nhà tù Mỹ - ngụy).
- (5) Vận dụng một nhận định văn chương.
- (6) “Hữu nghị” với Trung Quốc (nước xâm lược Hoàng Sa, và về sau là Trường Sa và Biển Đông) hay bị sáp nhập vào liên bang như Liên bang Xô-viết vẫn là điều không thể và không bao giờ có thể chấp nhận được. Liên lập đúng nghĩa là các nước độc lập, bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, cùng liên vai sát cánh với nhau.
- (7) Bản dịch của Nguyễn Bá Trác (1881 - 1945).

CHƯƠNG III 1973-1975

Thân tặng: Nguyễn Quang Thụy, Võ Ngọc Bích, Phạm Hồng Thắng, Đoàn Ngọc Tri, Phùng Văn Hoàng, Trần Xuân Bình và Thịnh Huế cùng Ngô Vưu, Nguyễn Chiến, Phạm Bá Thịnh, Tôn Thất Dũng, Võ Văn Tám (Võ Nguyên), Lê Phước Sinh (Lê Phước Dạ Đăng), Hồ Nhất Luân, Nguyễn Nhu, Trương Đăng Nguyệt Thanh, Tăng Lý Thị Tuyết và Nguyễn Thị Thu Nguyệt...

1

Cũng không phải đến cuối năm lớp mười một, Phan mới xách áo quần cùng hai bao sách gồm những cuốn thuộc loại “nặng kí” Phan xem là quý nhất ra Đà Nẵng, với dự định sẽ tiếp tục học tại đó, mà ngay trong mùa hè cuối năm lớp mười, Phan đã từng làm thế. Có điều, thời điểm ấy, hoàn cảnh thật khó khăn. Mẹ Phan cùng với phần lớn đồng bào Quảng Trị đã phải tản cư vào Đà Nẵng, trong khi đó, một số lượng không ít, gồm cả làng ngoại của Phan, đã sơ tán ra phía Bắc. Bây giờ, sau khi ghé thăm nhà ba ông anh, thấy các anh con cái đông đúc, nên Phan đã rất ngần ngại. Lại ngần ngại đến xót xa khi qua Non Nước, bên kia sông Hàn, nơi có đến vài ba trại tiếp cư dân tị nạn chiến tranh Quảng Trị, để tìm thăm mẹ. Mẹ đang cùng với một đứa cháu gái (gần như là con nuôi) ở đây, trong một túp nhà nhỏ bằng một căn phòng độc thân, vách ván ép, gỗ thủng đạn ca-nông ghép lại, mái lợp tôn thấp tè, nóng hực. Nhìn hình dung mẹ tiêu tụy với mái tóc đã bạc gần nửa, Phan ứa nước mắt. Phan không hỏi, vì sợ hỏi là nhắc lại, khiến mẹ thêm buồn, và cũng vì Phan biết chắc căn nhà mới sửa lại ở phố huyện Diên Sanh, Quảng Trị ngoài kia, đang bỏ hoang như hàng trăm, hàng nghìn nếp nhà khác ngoài đó, trong tình hình chiến sự khốc liệt đến mức rung động cả thế giới, hẵn đạn bom đã làm tan nát cả rồi! Vậy là thêm một lần nữa, mẹ trắng tay, trong hoàn cảnh chung của đồng hương Quảng Trị. Bởi thế, nên Phan chỉ ở lại an ủi mẹ ít hôm. Sau đó, Phan đành ngậm ngùi vào lại Tam Kỳ chuẩn bị học tiếp lớp mười một. Nỗi khổ đau chiến tranh không chừa một ai. Và còn hoàn cảnh riêng nữa, đâu phải ai cũng may mắn!

Nhưng đến cuối năm lớp mười một, Phan cảm thấy không còn chọn lựa nào khác. Lần này, sau khi xem thông báo ở văn phòng Trường Trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng về việc chuyển trường, nhận thấy mình đủ điều kiện, nên Phan quay vào Tam Kỳ, rút tất cả hồ sơ học bạ, ra nộp. Với mức điểm cao trong sáu tấm bìa đôi học bạ cùng những lời phê sáng giá, Phan được nhận hồ sơ vào trường ngay. Và không lâu sau, có ngay tên Phan trong danh sách được chấp thuận. Lúc này, mẹ Phan và đứa cháu gái cũng đã hồi cư theo đồng hương tị nạn chiến tranh Quảng Trị. Ba Phan đã về hưu từ hai năm trước. Ông cùng với một người anh cùng mẹ của Phan ra ngoài ấy, tu sửa lại nhà cửa. Phan cảm thấy mình đáng trách vì không giúp được gì cho mẹ. Nhưng biết làm thế nào được!

Những tháng đầu niên khoá 1973 - 1974 ở Đà Nẵng, Phan sống khá quanh què trong một căn hầm trú ẩn, cạnh nhà ông anh thứ. Đó là hầm trú ẩn nổi trên mặt

đất. Bên ngoài là bao cát chất chung quanh và chất dày trên nóc, nhưng bên trong là một thùng Cô-néc (Conex), vốn để chứa hàng đông lạnh, được sơn trắng, rất sạch sẽ với một chiếc giường sắt cá nhân, một bàn viết và một kệ đựng sách. Đèn ống trắng (néon) đủ sáng sủa. Thế là chỗ ở, chỗ học đã yên. Ông anh thứ còn có một tủ sách rất đáng kể, Phan có thể sử dụng thoải thích. Áo quần Phan cũ rách và què kệch, thì mặc tạm áo quần đứa cháu trai vậy, cũng không có gì quan trọng!

Gần suốt nửa năm học, Phan sống và học tập trong quạnh quẽ. Người thường xuyên đến chơi với Phan lại là đứa cháu trai ấy. Tuy là cháu, nhưng cùng tuổi, cùng khối lớp và cùng trường, chỉ khác ban.

Đó là thời gian việc học tập của Phan có phần giảm sút hơn so với ba năm học ở Tam Kỳ. Tuy thế, bên cạnh việc học tập, lại một lần nữa như nỗi với dăm trang sử (trong sách giáo khoa và “*Việt Nam sử lược*” của Trần Trọng Kim), Phan vẫn sáng tác thơ và viết cảm nhận văn chương, mặc dù với một tâm trạng u ám, nặng nề, bế tắc trước thực trạng chiến tranh, tương lai đất nước, theo nhãn quan của Phan và bạn bè lúc đó. Thậm chí, vì bế tắc trước hiện tại cũng như tương lai chung, nên Phan đâm ra hoài cổ xa xăm, lại bâng quơ nhớ thương mùa sen ngát hương nữ sinh Thành Nội, hay chìm đắm trong tình yêu đương mộng tưởng, để trí tưởng tượng bay cao, bay xa đến những vùng đất lạ, như cao nguyên chập chùng mây sương, phẳng phất bóng dáng nhân vật thi sĩ trong một truyện ngắn (cũng là một vở kịch) của William Saroyan, trong sách học ngoại ngữ...

2

Có một sự kiện thật ra không có gì ghê gớm nhưng báo chí đăng tải ầm ĩ.

Một buổi sáng, nhà trường cho phép một số lớp học sinh Phan Châu Trinh sang sân trường Hồng Đức (Nữ Trung học) để xem cuộc trình diễn dân ca của hai nhạc sĩ du ca Mỹ – Việt. Phạm Duy là tên tuổi lớn của âm nhạc Việt Nam. James Dusk hình như cũng rất nổi tiếng ở Mỹ. Vì tên tuổi của hai nghệ sĩ là như thế, nên hai ban giám hiệu hai trường mới ưu ái đến vậy.

Tuy nhiên, trong giới học sinh, trí thức Đà Nẵng, nhiều người vẫn thích cuốn sách “*Phạm Duy đã chết như thế nào*” của Nguyễn Trọng Văn, vì Nguyễn Trọng Văn chỉ trích việc Phạm Duy sửa đổi ca từ trong số kháng chiến ca hồi chống Pháp... Thêm vào đó, James Dusk lại hát một bản nhạc, hình như thuộc loại nhạc đồng quê (country music), do anh ta sáng tác, có lời ca là một chuỗi nói vòng nói vèo rất chướng tai, Phạm Duy hát lời Việt xen kẽ. Vì thế, từ đám đông học sinh trên sân trường, vài quả trứng liền được ném vào hai nhạc sĩ. Trứng vỡ ra vàng choé. Không biết có phải là trứng thối đúng nghĩa không, nhưng hành vi ấy rõ ràng là đúng cung cách và ý nghĩa Mỹ: Hát thối lắm, hãy dẹp ngay! James Dusk tái mặt, buông đàn, im bật... Phạm Duy cũng vậy.

Thế là cuộc trình diễn đành phải chấm dứt. Hai nhạc sĩ cụp mắt, quay bước đi vào phía trong. Học sinh, thầy cô giáo bỏ ra về. Phan cũng như nhiều người cảm thấy bạn nào đó đã thực hiện hành vi bày tỏ thái độ rất đích đáng.

Hôm sau vào lớp, giáo sư triết Nguyễn Lương Hiền nói ngay với cả lớp 12C của Phan: “Hai nhạc sĩ ấy hát như vậy, thật là làm loạn bại luân lí. Không thể chấp nhận được!”.

Báo chí Sài Gòn và Đà Nẵng đều giật tít lớn trên trang nhất: Học sinh, trí thức Đà Nẵng đã ném trứng thối vào Phạm Duy, James Dusk.

Cũng vụ này, mãi đến bao nhiêu năm sau, Võ Nguyên (Võ Văn Tám của lớp 12C Phan Châu Trinh năm ấy) còn viết thành một truyện ngắn.

3

Một sự kiện lớn gây chấn động cả Miền Nam, cả nước và khắp thế giới cũng xảy ra vào cuối học kì một của niên khoá ấy: Ngày 19-01-1974 (27 tháng Chạp, Quý Sửu), Trung Quốc (bấy giờ báo chí gọi là Trung Cộng) đã đưa quân xâm chiếm tất cả những đảo còn lại thuộc quần đảo Hoàng Sa (Paracel), sau khi đánh bại một số tàu hải quân của chế độ Sài Gòn.

Mấy ngày áp Tết Nguyên đán Giáp Dần, những tháng sau đó, trong những quán cà phê tại Đà Nẵng cũng như trên báo chí, bạn bè lớp Phan và mọi người đều không ngớt bàn luận với niềm đau đớn, phần nộ. Người này nói: “Bây giờ mới khẳng định đích xác là Cộng sản xâm lược thật sự”. Người kia bảo: “Trung Quốc, tức là Hoa Lục, xâm lược, chứ đâu phải cả Khối Cộng sản trên thế giới!”. Một người khác nữa, diễn đạt rõ hơn: “Trung Cộng có dã tâm từ lâu rồi và đã xâm lược một ít đảo thuộc Hoàng Sa từ năm 1956 kia! Rất nhiều người đi lính “Quốc gia” cũng chỉ vì Trung Cộng xâm lược”.

Luồng ý kiến thứ ba ấy, không phải lần đầu tiên Phan nghe và đọc được. Từ lâu, những người thân của Phan cũng đã biết rõ điều ấy, và xem Trung Cộng cũng y như Pháp, Nhật về phương diện thực dân cũ, lại cũng y như Mỹ về phương diện thực dân mới. Khái niệm “chiến tranh giữa hai khối trên thế toàn thế giới” cũng bao hàm cả hai loại thực dân cũ và thực dân mới, vừa kiêu cũ đồng thời vừa kiêu mới này.

Có lẽ nhiều nơi khác cũng như tại Đà Nẵng, liên tục những cuộc mít tinh, biểu tình được tổ chức với nhiều tấm băng rôn, bích chương, biểu ngữ, khẩu hiệu, lớn, nhỏ, đủ kích cỡ.

Phan thật sự đắng ghen trước sự kiện này. Mặc dù sự xâm chiếm của Trung Quốc đối với một phần phía Bắc quần đảo Hoàng Sa đã diễn ra từ năm Phan mới được sinh ra đời, nhưng đây vẫn là một sự kiện phơi bày rõ ràng, không thể che đậy về lòng dạ tham lam, nham hiểm của Trung Quốc. Phan cảm thấy cả hai phe, Miền Nam – Miền Bắc, đều bị siết chặt vào hai gọng kìm lịch sử trên bình diện toàn cầu, và đều bị kích (*).

Phan thực sự không còn hướng ngọn bút sáng tác văn chương của mình vào hiện tình Đất nước và Dân tộc như thuở ở Tam Kỳ với bút nhóm, tập san Đất Vàng. Đất Vàng, năm tháng ấy, là theo thành ngữ “tác đất tác vàng” (quý trọng sự toàn vẹn Đất - Nước trước mọi thế lực xâm lược). Đất Vàng, năm tháng ấy, là lãnh thổ của dân tộc Việt Nam da vàng (khẳng định da vàng để đối kháng với da trắng

Âu Mỹ, như tên một tập nhạc và như trong ca từ của Trịnh Công Sơn). Lúc này, ngẫu nhiên nhưng không phải ngẫu nhiên, lại được cụ thể hoá thành Hoàng Sa (Cát Vàng), Hoàng Sa Thổ (Vùng đất Cát Vàng). Tuy thế, Phan thật sự đã rơi vào bế tắc. Cuộc chiến tranh trên đất liền đang diễn ra trở nên vô nghĩa. Cũng có thể cả hai bên đều phi nghĩa hay đều chính nghĩa, vì vậy, theo đó, thì tiếp tục chống đánh nhau cũng đều vô nghĩa. Bây giờ, mức độ nhận thức của Phan chỉ đến vậy.

Tuy thế Phan không thể không băn khoăn, trăn trở. Những câu hỏi lại nảy bật trong lòng, xoáy buốt. Thực trạng và tình huống không giúp Phan làm nổi rõ ý thức cân nhắc xem bên nào có công nhiều hơn, bên nào có tội nhiều hơn. Bây giờ, chỉ biết là đành rằng, Cách mạng có công rất lớn, nhưng đồng thời lại kết tình hữu nghị thăm thiết với một nước anh em đang xâm lược Đất Nước mình, thì liệu Cách mạng còn giữ được công lao thắng Pháp, góp phần thắng Nhật của Cách mạng hay không? Nếu Cách mạng giải phóng được cả Miền Nam như mục tiêu đề ra, thì liệu cả nước có trở thành thuộc địa của Trung Cộng không?

Đâu phải riêng Phan, bạn bè Phan hẳn đều vướng mắc, khắc khoải, bế tắc như vậy. Một giả định bỗng chói sáng: *Lực lượng nào chống Pháp, chống Nhật, chống “tả đạo” Thiên Chúa giáo và chống Mỹ, lại chống cả Trung Cộng, giành lại Hoàng Sa, thì lực lượng ấy mới thật sự trở thành điểm tựa cho mọi người Việt Nam trao đặt niềm tin và xả thân vì Đất Nước mà không hối tiếc đã chọn làm điểm tựa.* Nhưng giả định chỉ là giả định mà thôi.

Những người sống trong hoàn cảnh đó, hay đặt mình vào hoàn cảnh đó, mới có thể thấu hiểu và cảm thông với Phan, với bạn bè Phan thuở ấy. Những ai chưa sống ở Miền Nam trong giai đoạn bấy giờ, lại tư duy theo kiểu máy móc, hẳn rất khó hình dung, chia sẻ.

Thuở ấy, một khi đã nhận thức và sống với tâm trạng như thế, Phan chỉ sáng tác thơ theo đề tài muôn thuở, chìm đắm trong yêu đương mơ mộng, xem yêu đương thuần khiết như một thứ tôn giáo. Thơ ca như đôi cánh cho trái tim thoát li thực tại. Rồi cũng đến lúc Phan không thể mãi làm thơ yêu đương tưởng tượng được nữa. Phan đọc sách, viết cảm nhận. Và sau Tết Nguyên đán, kì thi tú tài cuối học kì hai sắp đến cũng buộc Phan phải chúí mũi học, cho dù Hoàng Sa vẫn còn là một nỗi đau nhức nhối. Quần đảo ấy vừa là những vết thương lịch sử lở loét vừa là chùm bóng đèn sáng soi sự thật lịch sử.

4

Trước Tết Nguyên đán, Phan đã lên nhà của ông anh cả, cha của đứa cháu trai cùng tuổi, cùng khối lớp, cùng trường, để tiện việc ăn ở và học tập. Đó là một căn hộ trong một khu cư xá.

Nếu thời còn học ở Huế và Tam Kỳ, rất hiếm hoạ, gần năm năm nhưng chỉ vài lần luôn dịp, Phan đi nhà thờ Chúa để xem lễ, thì trong những tháng tại đây, mặc dù nào có ai nói gì, Phan vẫn cảm thấy khó từ chối việc ấy. Thôi thì cũng đi cho vui cả nhà, Phan tự nhủ thế, nhưng thực lòng, Phan không còn một mảy may đức tin.

Đứa cháu trai ấy có đến bảy đứa em. Buổi sáng, buổi chiều thì tất cả chú cháu hầu như đều đi học ở trường. Buổi tối lũ nhỏ học bài inh ỏi. Mãi đến gần khuya mới có được chút yên tĩnh. Vì thế, phải học rất khuya, có khi suốt đến sáng.

Khoảng tháng ba dương lịch, Sở Học chánh Đà Nẵng có tổ chức cuộc thi học sinh xuất sắc từng môn thuộc khối lớp 12. Phan và một người bạn khác, Trần Thiệu Duy, được giáo sư triết Nguyễn Lương Hiền cử đi dự thi, với hình thức làm bài luận viết. Kết quả, Duy lãnh giải nhất và Phan chiếm giải nhì toàn thị xã (cấp tương đương với thành phố trực thuộc trung ương hiện nay). Phan cũng tự biết bài luận viết của Phan có phần sút kém so với năng lực vốn có do thức quá khuya những hôm trước. Và oái oăm là trong kì thi học kì hai, thi trắc nghiệm, Phan bị bệnh đến liệt giường mấy hôm, lại nằm hôm thi môn triết! Thành ra, mặc dù là học sinh chiếm được giải nhì kì thi diện xuất sắc ấy nhưng phải chịu nhận điểm thấp nhất của một bạn nào đó trong lớp, ở cột điểm triết thứ hai trong học bạ. Nghe đâu Đoàn Ngọc Tri lại đạt điểm cao nhất. Hoá ra, Trần Thiệu Duy trội lên nhờ kĩ năng viết, chứ đi vào thi trắc nghiệm, Duy cũng còn kém thua Tri.

Cuối năm học, lại xảy ra một vụ đứng tim vì kì thi tú tài IBM.. Thi xong, Phan tin chắc là mình đủ điểm để đậu, mặc dù đã phòng xa, “trừ hao” khá nhiều, nghĩa là “tệ nhất” cũng đậu hạng thứ hay bình thứ. Không ngờ, khi báo ở Sài Gòn đăng tải danh sách thí sinh trúng tuyển, lại không có tên Phan, trong khi đó các thí sinh cùng phòng thi, cùng trung tâm thi đạt điểm đậu không ít, danh sách ghi số kí danh, tên họ, thứ hạng rành rành! Phan tốt cùng đau khổ. Mãi đến vài ba hôm sau, báo lại đăng tin sẽ có danh sách bỏ túc, vì có nhiều bài do máy IBM. hơi cổ lỗ đã loại ra, phải triệu tập giám khảo chấm bằng tay, với bộ chìa khoá là những tấm bìa đục lỗ. Hú hồn, Phan vui mừng đến sững sờ khi đọc thấy số kí danh, họ tên mình và hạng đỗ trên báo! Đến Sở Học chánh xem lại, Phan biết thêm, mình đạt điểm triết khá cao, và tổng cộng số điểm các môn, vượt khỏi hạng bình thứ, đứng ở hạng bình! Thế là chỉ thua hạng ưu mà thôi. Đây là kì thi tú tài toàn phần đầu tiên và duy nhất được tổ chức thi với hình thức trắc nghiệm và chấm bằng máy tính điện tử IBM. như vậy.

Thế là Phan hí hửng ra Huế nộp đơn thi vào ban Việt – Hán Khoa Sư phạm thuộc Viện Đại học Huế, hệ đào tạo giáo sư đệ nhị cấp (giáo viên cấp III, phổ thông trung học). Năm ấy, ban tuyển sinh chỉ nhận những hồ sơ có bằng tú tài từ hạng bình thứ trở lên. Nếu thi tú tài, có thể những môn phụ làm Phan bị chi phối, ít nhiều phải lo âu, thì ở kì thi mỗi một môn chuyên ban này, Phan rất tự tin. Tất cả đều ở trong máu Phan rồi, khỏi cần ôn thi, luyện thi gì cả. Thi viết, Phan đạt điểm hình như cao nhất, nhờ kĩ năng diễn đạt bằng giấy bút. Thi vấn đáp, bị vướng đôi chút. Thành ra, chỉ đứng ở vị thứ 5/40 trong danh sách trúng tuyển. Khác với sau này, thời đó, chỉ có Đại học Sư phạm là khoa “đắt giá” vì sau khi tốt nghiệp, chỉ số lương cao, lại không phải bị bắt vào quân đội. Bác sĩ ư? Sĩ quan quân y. Kĩ sư ư? Sĩ quan công binh hay các ngành kĩ thuật quân sự khác. Văn khoa, Luật khoa cũng phải bị bắt vào lính! Chỉ giáo sư suốt đời vẫn cứ dân sự. Là một người tuổi trẻ phản chiến, sự chọn lựa của Phan vào Đại học Sư phạm có nguyên do là thế.

Thế là Phan từ già Đà Nẵng để ra lại Huế, sinh quán của Phan. Ra học ở Huế, Phan được tự do “nhặt đạo”, “bỏ đạo”, tuyệt đối không đi nhà thờ Chúa nữa. Và như thế cũng chẳng làm mất lòng ai.

5

Phan trở lại ngôi nhà nơi Phan được sống những ngày đầu tiên trong đời, cách đó đã mười tám năm. Ngôi nhà lớn cũ kĩ, một gia đình viên chức thuê nhiều năm nay đã chuyển đi nơi khác, thay vào đó là gia đình một lương y mộ Đạo Phật, người Quảng Trị. Chỉ còn một phòng phía trước nhà ngang, nơi Phan và ông anh ở, năm Phan học lớp tám, đang vắng người thuê. Hai phòng trên căn gác nhà ngang, người chị đang học Luật khoa năm cuối của Phan ở một phòng, và phòng còn lại, thuộc về Phan và Cao Hùng Phi, một người bạn lớp 12C Phan Châu Trinh, nay ghi danh vào Đại học Văn khoa, cũng thuộc Viện Đại học Huế. Nhưng rất tiếc là Cao Hùng Phi không lâu sau đó đã vào Đà Lạt. Tiếp đến là Hùng Huế. Hùng Huế cũng vốn là học sinh Phan Châu Trinh Đà Nẵng, nhưng khác ban với Phan.

Khoa Sư phạm thuộc Viện Đại học Huế hình như được khai giảng khá muộn. Mãi đến tháng 10 dương lịch mới nhập học. Lớp Việt – Hán năm thứ nhất của Phan chưa đến 40 sinh viên.

Mùa đông 1974 ở Huế cũng thật lạnh, và mưa dầm lê thê. Những buổi sáng đi bộ từ nhà trong Thành Nội, qua cầu Trường Tiền, để đến trường, có khi rét cồng cả người.

Có một điều rất buồn cười, thuở còn trẻ kể lại hẳn ngỡ ngàng chín người, nhưng khi đã trải đời, thấy cũng chỉ ở mức khôi hài thôi. Trong những năm trung học, trừ năm chuẩn bị thi tú tài, Phan vốn chú trọng đến nội tâm, nên không quan tâm nhiều đến trang phục bên ngoài. Chính cái năm ở Đà Nẵng, một thành thị khá chuộng thời trang, không kém gì Sài Gòn, Phan bỗng dung nhận ra mình hơi quê kệch trong cách ăn mặc. Và lại, áo quần hầu hết đều mặc nhờ của đứa cháu trai, nên hơi kì cục. Tiền trong túi không có một xu. Thành ra, khi mẹ Phan đã tương đối ổn định việc buôn bán, Phan được mẹ cho tiền để may sắm, ngoài số tiền cơm tháng đều đặn. Như một cực đoan, từ cực đoan này nhảy sang cực đoan khác, ở tâm lí lứa tuổi mới bước vào quãng đời thanh niên, Phan lại có vẻ “diện”. Nhưng thực chất cũng tự cảm thấy khó chịu vì cách mặc thời thượng bấy giờ. Áo chèn, rất chật chội. Quần lưng cao, ngồi hơi ngạt ở bụng. Guốc da, được gọi là sa-bô (sabot), cũng không tự nhiên, thoải mái. Nhưng dầu thế, Phan vẫn chính là Phan của đam mê văn chương, triết học và sử học... Tuy bỗng chốc có vẻ như “công tử bột” đom đống, Phan vẫn đạt điểm cao nhất về môn hành văn. Môn tâm lí giáo dục cũng thế.

Ở Đà Nẵng, Phan viết một bài khá tâm đắc về “*Chinh phụ ngâm*”: “*Tôi và nàng chinh phụ xa xưa*”. Tại Huế, Phan đọc và phê bình cuốn tiểu thuyết “*Ngựa chúng trong sân trường*” của Duyên Anh (Vũ Mộng Long), một tác giả trước đó chuyên viết về du đảng, kể đến là về tuổi ngọc. Nhà văn này đang thách tranh luận về tính sư phạm trong tiểu thuyết của mình với một nhà giáo trung học, tại Khoa

Sư phạm thuộc Viện Đại học Sài Gòn, làm âm ã trên báo chí. Bài viết của Phan có nhan đề: “*Chút mê sảng hồn nhiên*”. Bài kia, Phạm Hồng Thắng, một bạn học rất trân trọng kỉ niệm học trò, vẫn còn giữ được. Còn bài này, không biết đã thất lạc về đâu? Có bạn bè nào còn lưu giữ giúp như Phạm Hồng Thắng?

Huế của học kì một niên học 1974 - 1975 không có sự kiện gì nổi bật. Phong trào sinh viên học sinh vốn rất vang dội trong nhiều năm trước nay lại chìm lắng. Phan nghĩ, Huế cũng bế tắc. Chắc sự kiện Trung Quốc xâm chiếm Hoàng Sa một cách trắng trợn đã là một nguyên nhân? Trước đây, Mỹ và Trung Quốc, hai gọng kìm lịch sử đã siết lại một cách thô bạo, bất chấp dư luận thế giới! Nay Trung Quốc càng bộc lộ dã tâm, và Mỹ đã rút quân... Phan tự nhìn vào tâm tư của mình để tìm câu trả lời đúng đắn, xác đáng. Và cũng bế tắc. Phan cũng dự cảm, sự bế tắc này chắc chắn sẽ thúc đẩy tình hình phải bung mở một phương hướng mới, chứ không thể chấp nhận thực trạng Đất nước, trong đó gồm cả biển đảo, lại mãi đau thương, mất mát như thế.

Có một anh chàng tàng tàng, được gọi là sinh viên “liên khoa” vì không học ở một khoa nào cả nhưng xuất hiện ở mọi giảng đường, từ Y đến Luật, từ Khoa học đến Văn khoa và cả Sư phạm, luôn tìm cách cướp máy vi âm, phát biểu một câu: “*Thà chấp nhận khiêu vũ (đôi truy), còn hơn chấp nhận chiến tranh (đổ máu)*”. Có phải anh ta muốn nói, thà chấp nhận đôi truy như Mỹ đi, chứ đừng tham gia Mặt trận Giải phóng nữa? Đó là đầu đề gây cười chảy nước mắt trong các quán cà phê sinh viên, như Tổng Hội, Chị Lợi, Góp Gió... Thật ra, ngầm nghĩ cho kĩ, câu nói khùng khùng ấy cũng ít nhiều phản ánh tạng chất Huế. Huế chống Pháp, chống Mỹ bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân là về văn hoá. Huế bấy giờ không chấp nhận văn hoá lai căng, mất gốc.

Sau Tết Nguyên đán, bước sang năm 1975 được ít lâu, chiến tranh đã bùng nổ dữ dội hơn ở đâu đó trên Tây Nguyên. Quảng Trị cũng bắt đầu vang tiếng súng.

Dưới trời mưa dầm, mặc dù đã giêng hai, sinh viên lớp Phan cùng nhiều lớp khác đã tự nguyện đi cứu trợ đồng bào Quảng Trị tản cư vào Huế. Nhân dân Huế và sinh viên Huế mơ hồ suy đoán là sẽ có một mùa hè đỏ lửa nữa, như năm 1972?

Ở Quảng Trị, mẹ Phan và bà con ruột thịt của Phan vẫn còn đang ở đó. Phan rất nóng ruột, ra bến xe hỏi thăm, mới biết Diên Sanh và cả quận Hải Lăng chưa được lệnh tản cư! Phan chỉ biết ngẩng mặt nhìn trời mưa xám xịt. Mẹ Phan đã bị cháy nhà năm 1968. Sau khi xây được phần nhà sau khang trang, sạch sẽ hơn, đến năm 1972, lại bị sập đổ. 1973, hồi cư, đến nay, vẫn chỉ là ba vài kèo, loại kèo một mái tôn, vốn là cọc sắt hàng rào quân sự được hàn lại, từ nhà trước nối mái bằng gỗ, bằng tre và cũng lợp tôn lui tận nhà bếp, nên nhà bếp thấp tè, gàn đụng đầu. Phên nhà là những tấm tôn đã bị đạn và miếng đại bác, miếng bom đâm thủng, xé rách, ghép lại. Nền gạch và xi măng đã thành nền đất. Đến lúc này, không biết rồi sẽ ra sao? Phan thầm nghĩ, *phe nào chống Pháp, chống Nhật, chống bộ phận “tả đạo”, chống Mỹ và chống cả Trung Cộng, giành lại được Hoàng Sa, hãy chiến thắng hẳn đi! Không thể cứ chiến tranh mãi như thế này được*. Nhưng đó chỉ là giả định và mơ ước!

6

Khi Phan đi học về, trên căn gác đã có cả ba Phan lẫn mẹ Phan. Hoá ra, ba Phan khi hay tin chiến sự nổ ra ở Quảng Trị, đã tức tốc ra ngay ngoài đó, và cũng đúng lúc phổ huyện Diên Sanh lục tục tản cư, theo lệnh của chính quyền cũ. Bấy giờ, khoảng đầu tháng 3-1975.

Gặp mẹ, trong cảnh này, Phan vừa mừng vừa muốn khóc. Cả nhà, gồm ba mẹ Phan, Phan và chị Việt Quát – người chị gái đang học Luật –, chuẩn bị vào Đà Nẵng, vì dân ở Huế có nhiều người cũng đã nhanh chân tản cư vào đó. Anh Dũng, người yêu của chị Việt Quát, cũng cùng gia đình anh ấy sắp rời Huế, đến chia tay với chị. Nhiều người chua chát, buồn lo cho gia đình, cơ ngơi, bảo nhau, “Đã ‘rút lui chiến thuật’ ở Tây Nguyên, thì chắc cũng phải ‘rút lui chiến thuật’ ở Quảng Trị, Thừa Thiên”, hay “Năm 1972, giới tuyến từ sông Bến Hải dời vào sông Thạch Hãn, thì năm 1975 này, giới tuyến sẽ dời vào tận đèo Hải Vân”. Đối với phần lớn nhân dân, chiến tranh là thảm hoạ, và thảm hoạ, thế thôi.

Cũng bay giạt theo bão táp chiến tranh, Phan đành theo gia đình một người bạn có xe khách chạy tuyến Huế – Đà Nẵng. Khi ba mẹ Phan và chị Phan lên xe vào đó, thì cũng là lúc Phan đu theo xe khách nhà bạn. Hoá ra, trên các quãng đường đèo, vô số xe đã kẹt cứng. Có xe phải bị xô xuống vực vì chết máy dọc đường, để trống đường cho đoàn xe phía sau. Đêm xuống, tất cả những cung đèo Hải Vân đều sáng đèn xe cộ đủ loại, và những bóng đèn xe ấy di chuyển rất chậm chạp, tưởng chừng như bất động.

Cuối cùng, chiếc xe cho Phan đi nhờ cũng đến Hoà Khánh. Từ Hoà Khánh vào đến Đà Nẵng, vô số trạm gác mọc lên. Quân cảnh và cảnh sát, phối hợp cùng lính tráng, lục soát, kiểm tra rất ngặt.

Hôm sau, Phan được gặp một số bạn cùng lớp, cùng trường ở Huế. Tất cả đều bảo Viện Đại học Huế đã di chuyển vào Sài Gòn. Thế thì trường đi đâu, mình chạy theo đó hay sao? Có bạn nào ở lại đây không? Chỉ những câu hỏi trao đổi với nhau như vậy.

Thế là phải đi tản vào Sài Gòn nữa!

Ông anh của Phan liên lạc được với một chủ tàu buôn có xà lan chuyên dùng để chở nước mắm. Cả nhà chạy qua Tiên Sa trong bóng đêm. Xà lan đã đầy cứng người, bốc mùi nước mắm nồng nặc.

Thế rồi tàu kéo xà lan cũng ra được vùng hải phận xa bờ.

Dưới nền trời hừng đông xám mờ, Phan nhìn mẹ hốc hác, nước mắt còn rung rung trong tròng mắt đỏ hoe, vì chị Linh – người chị cùng mẹ của Phan – mới sinh đứa con đầu lòng, chồng chị ấy sợ cháu nhỏ chết trên xà lan, nên hai vợ chồng đã ở lại Đà Nẵng. Phan tự bảo, khi nhìn ra mặt biển hầy còn xám đen, lấp loáng dợn sóng: *Phe nào chống Pháp, chống Nhật, chống bộ phận “tả đạo”, chống Mỹ và chống cả Trung Cộng, giành lại được Hoàng Sa, hãy chiến thắng hăn đi! Không thể cứ chiến tranh mãi như thế này được.* Nhưng đó chỉ là giả định và mơ ước!

Vào đến Sài Gòn, trong hơn một tháng sau, mặc dù đã liên lạc được với Viện Đại học Huế di tản, và nghe phong thanh là sẽ sáp nhập vào Viện Đại học Sài

Gòn, Phan vẫn luôn tự nhủ thế. Phan cũng chưa chất nghi, đó chỉ là giả định, là mơ ước, cho đến khi, cuộc chiến tranh ngay tức thì sau 30-4-1975, nổ ra ở biên giới Việt Nam – Căm-pu-chia, cho Phan biết, bằng hiện thực máu xương có thật, trong chiến trận có thật, rằng, Trung Cộng là kẻ thù, đứng sau lưng bọn diệt chủng Pôn-pốt – Iêng Xa-ry. Phan thở phào như trút được tảng đá nô lệ trên ngực. Lòng bỗng nhẹ tênh.

Phan không ngạc nhiên tuy hơi bất ngờ khi nghe tin, trong vài năm sau, người bạn thời học sinh ở Tam Kỳ, Phan đến ở chung trong vài tuần kề sát với ngày 30-4-1975 tại Sài Gòn, và cùng Phan nghiêm trang đứng bên lề đường trong ngày lịch sử ấy, đã rời bỏ bục giảng ở một trường trung học cơ sở, để trở thành anh bộ đội Cụ Hồ chiến đấu tại Căm-pu-chia, chống lại tập đoàn lãnh đạo Bắc Kinh.

Nhưng câu chuyện của Phan – Trần Nguyễn Phan, chính là chuyện của bản thân tôi (Trần Xuân An), như đã thừa ngỏ, có lẽ nào tạm dừng lại ở thời điểm tháng 5 năm 1975!

Thuở đó, còn sáu tháng nữa, tôi mới tròn mười chín tuổi. Mười chín tuổi, thơ tôi bắt đầu tươi sáng lên ở chân trời hừng đông của một thời kì lịch sử...

TXA.

Phác thảo:

TP.HCM., từ 15:30, 26-01 HB12 [2012]

(mùng 4 Tết Nhâm Thìn HB12)

đến 16:57, 29-01 HB12.

Chỉnh sửa ít lỗi nhỏ & bổ sung vài câu:

16:58, 24-02 HB12 (2012)

28-02 HB12 & 02-03 HB12

(*) Sau này, chính “*Bị vong lục*” và “*Sách trắng*” do Bộ Ngoại giao nước ta công bố năm 1979 đã tố cáo tham vọng bành trướng, bá quyền của Trung Quốc một cách cụ thể, sâu sắc và mạnh mẽ.

Phần 2
THUỞ GIAO THỜI
BÊN SÔNG HƯƠNG

CHƯƠNG 4
1975-1978

Thân tặng: Các bạn thuộc lớp ngữ văn (1974-1978), Đại học Sư phạm Huế.

1

Trở về Huế và Quảng Trị, trong tháng 5-1975

Để câu chuyện về chính mình được tự nhiên, tôi lại tiếp tục tự hoá thân vào hình tượng nhân vật mang họ tên là bút hiệu ít dùng của tôi: Trần Nguyễn Phan. Vâng, chuyện của Phan còn tiếp diễn thế này...

Khi xe bắt đầu lăn bánh, gió luồn vào, thổi bạt đi không khí ở tầng sàn dưới và tầng gỗ lướt ván phía trên, Phan mới cảm thấy nhẹ bớt mùi vịt. Cũng như mắt của sáu, bảy chục hành khách, trước đây mấy phút, cứ mãi hướng ra ngoài xe, nơi có những người thân, bạn bè còn ở lại, bịn rịn chia tay, bây giờ Phan mới nhìn lại những người đồng hành và chiếc xe mình đang đi.

Đây là chiếc xe tải chuyên dùng để chở gia súc, gia cầm và có lẽ những chuyến cuối là chở vịt, nên mùi vịt còn nặng đến thế. Các cấp thuộc Ủy ban Quân quản Cách mạng đã kêu gọi những ai có phương tiện chuyên chở đường xa phải góp phần vào việc đưa hàng trăm ngàn dân di tản trở về quê, và xe tải này là một trong những chiếc xe thuộc diện ấy. Hành khách là khoảng mười gia đình di tản đã mua được vé để hồi cư, từ Sài Gòn ra đến Đà Nẵng. Trong đó, có lẽ gia đình Phan là ít người nhất, chỉ còn có ba, mẹ, đứa cháu nuôi và Phan. Số gia đình còn lại, có không ít trẻ con và người già. Tầng trên cũng như tầng dưới, tất cả đều ngồi bệt trên sàn. Tầng trên cũng nhếch nhác, tiều tụy. Tầng dưới cũng xơ rơ, xác rác. Phan mỉm cười, khi nghĩ, di tản vào bằng xà lan chuyên dùng để chở nước mắm, hồi cư ra lại bằng xe tải còn nặng mùi vịt!

Đọc đường quốc lộ Một, thỉnh thoảng lại thấy những đoàn xe bộ đội từ Trường Sơn chạy xuống hay từ Miền Bắc chạy vào. Phần lớn các đoàn xe này đều chạy ngay giữa tim đường, chiếc này nối theo chiếc kia, cứ như thể những toa tàu lửa trên hai đường sắt song song, nhưng với cự li giãn cách hơn, khoảng chừng dăm mét, và may là với tốc độ vừa phải. Phan nghe ông tài xế phía trước buông lái cầu nhàu, than phiền, thậm chí có khi cáu gắt: “Mấy cha nội bộ đội này không biết lái xe!”. Một hành khách nói: “Mấy ông chạy trên rừng quen rồi, không biết tránh đường cho xe ngược chiều”. Nhưng cũng có người phỏng đoán, chắc các anh tài xế bộ đội chạy kiêu đó để tránh mình, hoặc chạy theo tiêu chuẩn ưu tiên vốn dành cho xe quân sự.

Trên suốt hành trình dài từ Sài Gòn ra đến Đà Nẵng, đã có nhiều trạm gác, do dân quân du kích mang băng đỏ, khoác súng AK đảm trách. Không thấy gặp khó khăn gì, mỗi khi qua các trạm gác như thế. Càng đi ra, càng thấy nhiều công khai hoàn, hai bên ảnh Bác Hồ là cờ Mặt trận Giải phóng và cả cờ đỏ sao vàng bay phấp phới. Điều đó chứng tỏ những tình gần Đà Nẵng hơn, được giải phóng sớm hơn, nên càng đủ thì giờ để ổn định, trang hoàng như thế.

Xe chạy suốt ngày đêm, chỉ dừng lại cho hành khách ăn uống, đi vệ sinh. Chừng hai hôm, xe cũng đến Đà Nẵng an toàn.

Ba, mẹ, đưa cháu nuôi và Phan đều về căn phòng vợ chồng chị Linh thuê để ở tạm. Mẹ vui mừng khôn xiết, cứ ngồi nựng đưa cháu ngoại mới dăm tháng tuổi, quên tất cả mọi mệt mỏi, bâng hoàng. Sau đó, về một căn nhà của ông anh thứ đang xây cất dở dang. Tại nơi ấy, dì ba cùng hai đứa em đi tản theo cầu không vận vào Nha Trang cũng đã hồi cư từ tháng trước.

Phan đạp xe đi quanh thành phố Đà Nẵng, xem thế nào, với hi vọng gặp người bạn cùng trường nào đó để hỏi thăm và để mua vé xe cho ba, mẹ, đưa cháu nuôi cùng Phan ra lại Huế. Hoá ra, những người bạn học cùng trường vốn là dân Đà Nẵng, đã ra lại Huế để tiếp tục học rồi.

Thế là hôm sau, Phan có mặt ở Huế. Sau khi đưa ba, mẹ và đứa cháu nuôi tiếp tục lên xe ra Quảng Trị, Phan chạy đến trường ngay. Phan tin chắc ở Diên Sanh, mẹ sẽ còn được sự giúp đỡ của xóm giềng, của bà con từ làng ngoại vào. Tuy tin chắc như vậy, nhưng hình dung nhà cửa ngoài kia không biết đồ nát thế nào, nên đến trường, ghi danh tiếp tục học lại xong, Phan cũng tức khắc nhảy xe ra Diên Sanh để giúp mẹ.

Nhà cửa tại Diên Sanh không bị sập đổ, nhưng mái nhà phía sau không còn tấm tôn nào. Phần nhà trước cũng trống toang hoác, chỉ còn trang thờ với bức sáo tre. Chẳng qua, cũng đã mấy tháng rồi, nhà vắng chủ. Những ai đi tản gần đều hồi cư sớm, và nhiều người nghĩ rằng mẹ Phan cũng như không ít nhà khác, đã đi luôn theo những tàu thuyền di tản ra hải ngoại (trong tình huống dù muốn hay không muốn cũng phải đi, không thể riêng người nào, gia đình nào nhảy xuống biển bơi vào!). Vì thế, tôn nhà sau bị dỡ ít nhiều. Trong đó, có một phần do các cậu của Phan, vốn sơ tán ra phía Bắc, nay trở vào, cũng đoán thế, nên tiếp tục dỡ số tôn còn lại, và cũng chỉ chừa tôn ở nhà trước, ý chừng để xem ra sao, biết đâu mẹ sẽ trở về. Và lại, nhà trước còn có trang thờ, không ai dỡ (và hẳn cũng chẳng ai dám) để lư nhang, bài vị tổ tiên, ông bà cùng tám tranh Phật Thích Ca giữa mưa nắng. Số tôn ấy, các cậu tháo dỡ, cũng là một cách giữ cho mẹ, chứ chẳng lẽ bới com vào đây giữ nhà! Lúc này, nghe tin mẹ đã về thật rồi, các cậu tức tốc chở vào, dựng lợp lại nhà cho mẹ. Thật là vui mừng quá đỗi. Các cậu, các dì đã xa làng ngoại, xa mẹ từ năm 1972 đến nay!

Thế là lần thứ ba, trên nền đất nhà cũ, mẹ phải làm lại nhà. Dẫu sao, tan hoang, tạm bợ thế nào cũng còn có chỗ ở. Và Phan cũng chuẩn bị vào lại Huế, tiếp tục đến trường. Có lẽ những đồ nát do chiến tranh, trận này nối tiếp trận kia, quá dồn dập, đồng thời trải qua cũng nhiều lần tản cư, hồi cư, nên người dân Quảng Trị thấy cũng thường, cảm xúc về khổ đau chừng như đã sắt lại. Không buồn.

Không vui. Chấp nhận. Chịu đựng. Lần này, còn có thêm niềm hi vọng hoà bình. Ba mẹ Phan và cả Phan cũng thế.

Phan lại lên xe Quảng Trị – Huế.

Đi dọc đường vào lại nhà trong Thành Nội, Phan chợt nhìn thấy có nhiều hố và hào trú ẩn, mới được đào. Chắc đó là những chuẩn bị trước khi Sài Gòn được giải phóng, phòng khi có sự phản công nào đó từ phía quân đội Sài Gòn.

Nhà của Phan ở Huế trống trơn, vắng hoe, không một người. Gia đình ông thầy thuốc bắc người Quảng Trị, trước đây vào Huế thuê nhà ở để tránh chiến sự, nay biết đã hoà bình thật rồi (chiến tranh có còn tiếp diễn thì cũng tận Căm-puchia xa xôi), nên cũng đã trở về quê quán, với tất thảy đồ đạc, giường chiếu vốn có.

Đến trường, gặp lại bạn bè lớp cũ, Phan mới biết vẫn còn một số bạn chưa kịp hồi cư, đi học lại. Các giảng viên cũng thế. Thật ra, trường cũng chưa kịp tổ chức lại để dạy và học. Thế là Phan phải sống những ngày trống, nhưng không thể rỗng, mà trĩu những suy tư, chất chứa bao cảm nhận mới, lại âu lo về những bữa ăn, giữa thành phố Huế vẫn còn nhón nhác, chưa thật ổn định, cho dù Huế đã được giải phóng từ 26-3, cách bảy giờ đã hai tháng.

2

Làm thơ trong thuở giao thời và thống nhất, 1975-1978

Trong những giờ khắc thả bước lang thang, loanh quanh vô định cùng bạn bè, trong những giấc ngủ về khuya trên căn gác nhà cũ, Phan nghe tự lòng mình: Hoà bình! Hoà bình! Và âm vang tiếng súng từ mặt trận mới! Cách mạng buộc phải nổ súng, trước sự đánh phá của Khmer Đỏ, tại các đảo Phú Quốc, Thổ Chu và dọc biên giới Tây Nam. Ở mặt trận ấy, sự lộ mặt của Trung Quốc, nước xâm lược quần đảo Hoàng Sa, đã quá rõ! Phan có cảm giác, như từ đầu tháng Năm vừa rồi, tại Sài Gòn: Trên lồng ngực, tảng đá nô lệ đã được trút bỏ. Lòng bỗng nhẹ tênh. Những mát mát, xiêu lạc tứ tán bởi chiến tranh lăm lăm súng đạn vô tình, đối với gia đình mình, thật ra cũng như hàng vạn, hàng triệu gia đình Việt Nam khác, còn có nghĩa gì đâu, khi tất cả mọi người hầu như đã thoát được sự siết cứng của hai gọng kìm lịch sử, khi cả Miền Nam lẫn Miền Bắc chỉ còn thực sự một kẻ thù là Bắc Kinh (Khmer Đỏ chỉ là tay sai không đáng kể!). Lòng bỗng nhẹ tênh, và có cả vui mừng, khi biết rõ điều đó, nhất là khi *biết chắc khía cạnh nội chiến, người Việt bắn giết người Việt, không còn nữa!* Và lạ thay, những câu thơ nẩy bật trong tâm hồn Phan, như một khởi đầu mới.

Không chỉ khung cảnh Huế Phan nhìn thấy hằng ngày, mà cả ấn tượng hồi cư từ lần ra Diên Sanh mới đây, gồm cả ấn tượng rõ nét nhất, đó là cảnh hồi cư sau ba năm sơ tán ra phía Bắc, tại làng ngoại Thượng Xá, khiến Phan vô cùng xúc động... Bài thơ "*Ruộng đất yêu dấu*" khởi đầu từ đó, nhưng chỉ mới là những hình ảnh, ý tưởng sơ khai.

Thế rồi, chỉ mười hôm sau, kể từ ngày Phan về lại với Huế, các hình thức sinh hoạt tập thể được triển khai để bước đầu ổn định trường lớp, có cả việc phát

động sáng tác và ấn hành một tuyển tập thơ văn ca ngợi lao động. Tiếp đến, một đợt học tập chính trị khá dài. Kế đó nữa, xen kẽ với những tuần học chuyên môn do những giảng viên, trí thức tại chỗ ít nhiều có tham gia cách mạng giảng dạy, là những đợt lao động công ích: làm vệ sinh ở những khu dân cư như tại cổng Thanh Long, trồng cây trên các ngọn đồi như Thiên Thai, và có cả những đợt lao động phục vụ nông nghiệp: đào vét kênh mương như trước trường Bình Linh, ven sông Lợi Nông, trên cánh đồng được gọi là Đồng Đưng...

Cũng không thể không kính nhớ đến bà mẹ già của Ngô Vưu. Bà là cả một kho ca dao tục ngữ và đồng thời là “ngân hàng trợ giúp của những hàn sĩ”, như Phan và bạn bè sinh viên trợ học. Bà chính là hình ảnh làng quê ngay giữa thành phố Huế.

Bài thơ “*Ruộng đất yêu dấu*” cùng một loạt bài thơ khác, rồi liên khúc “*Cánh tay học trò vươn tới*”, Phan viết trong niềm cảm xúc hoà trộn mà trầm lắng, hay sôi nổi mà cũng nhiều suy tưởng đó. “*Ruộng đất yêu dấu*” đã đăng ngay vào tháng sinh nhật Phan, tháng 11 (1975), và sau đó, được tặng thưởng “Một trong mười bài thơ hay nhất trong năm”, nhân dịp kỉ niệm 15 năm ấn hành tuần báo Văn nghệ Giải phóng.

Cũng trong thời gian này, Phan cảm thấy không thể sống lẻ loi trong ngôi nhà vắng, nên cũng đã qua tận Cầu Lò Rèn ở chung với Nguyễn Chiến, bạn cùng lớp bấy giờ, rồi qua Bến Ngự trợ học với Nguyễn Văn Bá, bạn từ thời tiểu học. Rồi lại kéo Nguyễn Chiến về ở chung tại nhà cũ, ăn cơm tháng ở hai nhà bên cạnh, từ nhà ở Thanh cho đến nhà ông Nước. Rồi về sau nữa, Phan cùng với Thái Quang Hồng, đèo nhau đi, đèo nhau về. Mặc dù ăn cơm tập thể, khi mọi sinh viên đều có tiêu chuẩn trợ cấp hàng tháng, nhưng cả hai về nhà Phan để học và ngủ, vì ở nhà vẫn yên tĩnh hơn kí túc xá. Ở đâu, trong Phan cũng mãi xao động, trăn trở bởi những tứ thơ, thôi thúc được thể hiện ra trên giấy.

Từ giữa niên khoá 1975 - 1976, sau Tết Nguyên đán, giữa năm thứ hai đại học của Phan, trường lớp ổn định hẳn để thật sự đi sâu vào chuyên môn của từng khoa. Đó là lúc Phan viết “*Bài thơ tháng giêng*”, về hình ảnh mẹ mình chan hoà trong nhiều hình ảnh các bà mẹ Việt Nam khác, tình cờ lại trùng vào dịp chào mừng Hiệp thương Thống nhất...

Tuy đã chuyên hẳn sang khuynh hướng sáng tác mới, nhưng Phan vẫn không thể không nhớ đến tập thơ đầu tay của mình, hầu hết được viết từ hồi 1973, cuối năm lớp mười một và một ít bài trong đầu năm lớp mười hai: “*Những niềm thơ mùa thu*”, những tình cảm thơ ca và thơ đại trong mùa thu bao giờ cũng đượm buồn. “*Tiếng chuông xưa*” và “*Tóc bay swong trắng*” là hai bài thơ Phan thấy đẹp và xúc động nhất. Nhưng phần lớn trong tập thơ đó cũng là những bài Phan đã tự chọn lọc. Phan đã chép tay lại thành bốn bản, giấy được gấp theo cách xếp các tay sách của một ấn phẩm, tuy còn chép dở dang! Và tiếc nhất là cả bốn bản ấy Phan đều để lại tại tủ sách của mình ở Tam Kỳ, sợ mang theo ra Đà Nẵng, nơi ăn chôn ở chưa ổn định, không khéo lại bị thất lạc, nhưng sau cuộc di tản 1975, thì đã thất lạc cả rồi! Tiếc như tiếc một kỉ niệm của tâm hồn mình đồng thời là kỉ niệm văn chương. Thật ra, với trí nhớ thủa ấy, Phan cũng có thể phục hồi lại nguyên vẹn cả

mấy chục bài thơ, nhưng Phan cảm thấy trong niềm luyện tiếc còn có gì đó như là ngân ngại. Phan không muốn xem lại những gì hầu hết là niềm băng khuâng, thương mến, u hoài cùng những nỗi đau và bao nỗi niềm khác thuộc về lĩnh vực cá nhân trong tâm tư mình. Phan không muốn bị những tháng ngày cũ, tuy thơ mộng nhưng cũng buồn bã, xót xa, mục rã níu kéo. Đứng ra, tất thấy đều là những niềm thơ ca cao quý, tốt đẹp nhưng được viết dưới ánh sáng âm đạm của nỗi buồn.

Phan muốn bước tới phía tương lai, hơn là ngoảnh lại quá khứ.

Mãi đến mùa hè năm 1977, người bạn láng giềng ở Tam Kỳ, Lê Văn Thanh (thường gọi là Chanh), ra Huế thi vào đại học, ghé nhà Phan ở lại, cho biết là Chanh còn giữ được cả bốn bản chép tay tập thơ “*Những niềm thơ mùa thu*” ấy, sau khi ngôi nhà của ba dì Phan bị chính quyền hay ông cán bộ nào đó đến dọn dẹp để quản lí, ném tập thơ ra bên lề đường. Phan rất mừng và cảm động. Nhiều lần, Phan khê dặn lui dặn tới rằng Chanh cố gắng giữ, để có dịp Thái Quang Hồng vào thăm nhà, Phan sẽ nhờ Hồng mang ra. Cuối mùa hè ấy, hình như trong dịp nghỉ phép hè, Hồng đến nhà Thanh, và mang tập thơ ấy ra cho Phan. Lại một lần nữa, Phan cảm động đến muốn khóc, nhưng cố nín cảm, im lặng. Thậm chí, Phan giấu tập thơ dưới chõng sách báo, như muốn quên đi.

Tuy thế, sau *Đổi mới* (1986), trong các tập thơ đã xuất bản của Trần Xuân An (tức là nhân vật Trần Nguyễn Phan trong hồi kí - tự truyện này), từ 1991 đến gần đây, số thơ từ bản thảo chép tay đó đã được rải rác in lại, đặc biệt là in hẳn một phần riêng gồm mười mấy bài vào cuối tập “*Thơ những mùa hương*” (Nxb. Thanh Niên, 2011). Nhưng đó là chuyện về sau, sau *Đổi mới*, chứ không phải là thuở đó!

Chuyện thuở đó, Phan vẫn còn nhớ, trong một lần viết trả lời vào phiếu điều tra văn học do thầy Phan Trọng Luận phát ra cho sinh viên trong lớp, Phan đã liệt kê những tác giả Phan đã đọc, nghiền ngẫm: Jean Paul Sartre, Albert Camus, Nikos Kasanzakis, Nietzsche, Kalil Gibran, Dostoievsky, Hermann Hesse, William Faulkner... Phan đã bày tỏ đôi nét cảm nhận của mình về tác phẩm của họ. Phan cũng nhận định chính bài thơ “*Tiếng chuông xưa*” của Phan. Nhưng không chỉ riêng Phan, mà cả vài bạn trong lớp, như Nguyễn Nhu chẳng hạn, cũng muốn rũ bỏ những khía cạnh bi lụy, không còn nghị lực sống, trong văn chương. Điều đó đúng, nhưng vẫn có điểm hơi *quá* “*tả*”. Những dòng chữ sinh viên giữa thời hơi *quá* “*tả*” ấy, không ngờ thầy Phan Trọng Luận lại đưa vào cuốn sách của thầy: “*Con đường nâng cao hiệu quả dạy văn*” (Nxb. Giáo Dục, 1978), như các cứ liệu thực tế. Dấu sao, đó cũng là một kỉ niệm, trên quan điểm chung của một thời, đã được lưu giữ ở một cuốn sách lưu hành khá rộng trong giới giáo viên ngữ văn, lại khá nhiều lần tái bản!

Trong buổi hừng đông kéo dài vài ba năm của giai đoạn lịch sử lớn thuở ấy, nơi mỗi người như Phan hình như đều tồn tại hai loại tình cảm, tuy thống nhất với nhau về quan điểm nhưng hướng đến hai loại đối tượng vốn trái ngược nhau. Nếu ở “*Ruộng đất yêu dấu*”, Phan viết thay cho những người thân bên ngoài, ít nhiều có tham gia cách mạng, trong lúc hồi cư năm 1975 và đồng thời cho bao người khác cùng hoàn cảnh, tâm tư như thế trên khắp cả đất nước, kể cả ở Nam bộ, thì cũng có bài Phan cũng viết thay, thể hiện sự thông cảm sâu xa với những ai đã lỡ

lắm về chính trị đến nỗi phải chịu học tập cải tạo, thậm chí muốn sống hết cả quãng đời dài còn lại trên rừng sâu, chẳng hạn như “*Khúc hát từ rừng*” (tặng Lê Phước Dạ Đăng, tức Lê Phước Sinh, bạn học cùng lớp). Bài “*Về thăm, mai một mình lên...*” cũng là viết cho một người lính nguy thương mến đã đi khai hoang, lập nghiệp ở vùng kinh tế mới... Ngoài những bài thơ mà hình tượng cái tôi trữ tình và chính Phan là một, Phan cũng có một ít bài thơ Phan viết thay cho bao người khác như thế.

Thơ Phan đăng trên báo chí, và Phan được những văn nghệ sĩ, nhà báo ở Huế biết đến. Từ quen biết, dần dà đã trở nên thân tình với một số anh chị, qua những cuộc gặp mặt, phổ biến thông tin, trao đổi biên tập hay gửi bài, nhận nhuận bút, tại 26 Lê Lợi, Huế. Có một chuyến đi thực tế rất có ý nghĩa, đó là lần Ban Vận động thành lập Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Bình Trị Thiên tổ chức trong dịp thông đường sắt Bắc - Nam, mà cầu Tiên An trên sông Bến Hải là điểm nổi cuối cùng, có ý nghĩa biểu tượng: điểm nối thể hiện sự thống nhất Đất nước.

Tất nhiên việc làm thơ và học tập cùng song hành trên một trục thời gian. Nhưng càng đi sâu vào việc học, thời khoá biểu trong các năm tháng cuối học trình đại học càng kín mít, thậm chí có nhiều học trình phải học cả ba buổi, sáng - chiều - tối. Khối lượng tiết học nặng trĩu như thế cộng với thời gian đọc sách tham khảo ở thư viện, khiến Phan chỉ còn có thể tranh thủ, dành dụm thời gian để làm thơ, và làm thơ vào những tuần lễ nghỉ phép hè. Đó là chưa kể có đợt nghỉ phép hè như hồi 1976, phải về tham gia lao động thuỷ lợi ở địa phương... Tuy thế, Phan vẫn hình thành được một tập thơ khá dày dặn.

Khởi đầu con đường mới về thơ ca và suốt cả ba niên khoá rười ở đại học sau Ngày Thống nhất là thế. Rồi cũng như thế suốt mấy năm Phan đi dạy học ở Lâm Đông. Dĩ nhiên khi đi dạy học, có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn để trút hết tâm sức cho việc làm thơ.

3

Sách và học tập

Trong ba năm tuy dài nhưng cũng rất ngắn ngủi, sau Ngày Thống nhất, mỗi đầu sách đều có số lượng bản in rất lớn, có thể gấp ba mươi lần hoặc hơn thế nữa, so với mỗi đầu sách hiện nay (trong khi dân số đã tăng gấp đôi!). Và giá sách cũng khá rẻ, so với các vật giá khác. Sách từ Hà Nội, chở vào. Sách Miền Bắc in lại từ các nhà in trong Sài Gòn, chở ra. Mỗi đợt có sách mới, các hiệu sách đầy đặc người mua. Đây là một hiện tượng khá đặc biệt, nguyên nhân trước hết là dân Huế vốn ham mê đọc sách, và nguyên nhân khác nữa là trong thời đoạn này, họ muốn đọc xem thử sách Miền Bắc như thế nào, còn sự nhận định, hay, dở, sâu, nông, họ giấu kín như bản tính Huế vốn kín đáo.

Phan thường ghé vào các hiệu sách để chọn mua, nhằm xây dựng lại tủ sách của chính mình. Không kể thời ở phố huyện Diên Sanh với các loại sách khá tạp nham, hay dở lẫn lộn, từ năm học lớp tám ở Huế và đặc biệt là từ lớp chín ở Tam Kỳ, Phan có ý thức xây dựng cho mình một tủ sách báo thật bổ công đọc, không

những thơ, truyện có giá trị mà cả sách phê bình, biên khảo của những tác giả uy tín, những tạp chí sáng giá. Năm lớp mười hai, tủ sách của Phan nửa ở Tam Kỳ, nửa ở Đà Nẵng, thường được bổ sung thêm. Nhưng tất cả đều đã mất, không còn cuốn nào! Vì thế, Phan thèm khát sách hơn bao giờ hết, một phần cũng với các nguyên nhân như dân Huế lúc này, một phần là do Phan không chỉ học để đi dạy, mà còn ôm mộng lớn về văn chương, học thuật, gồm cả lĩnh vực sử học. Có nhiều lần Phan phải đi bộ khá xa hoặc đi xe đạp đến nhà các o dì bạn hàng của mẹ, những người thường buôn hàng sỉ từ Huế ra Diên Sanh, để mượn tiền mua sách.

Việc học của Phan cũng bị chi phối bởi chí nguyện của Phan. Trong khi các bạn khác chỉ chuyên chú vào giáo trình, sách tham khảo cần thiết, thì Phan để tâm hồn và trí óc mình mở rộng ra sách báo văn chương học thuật hiện thời. Không những các hiệu sách, mà cả các sạp báo, cũng là nơi Phan thường lui tới, đặc biệt là ki-ốt báo chí bên hông Đài Phát thanh Huế. Sự thể đó có lẽ cũng như những ai cùng chí nguyện với Phan.

Nếu học “gạo”, Phan hẳn không thua bạn nào, kể cả những bạn gái chăm chỉ nhất. Nhưng nêu vừa học một cách rất chuyên cần ở lớp, ở giảng đường, vừa thường xuyên đọc để “làm văn nghệ” như Phan, có lẽ hầu như không bạn nào cần mẫn, chí thú đến mức đam mê như thế cả, cho dù sau này Võ Nguyên cũng là nhà văn, chuyên viết truyện ngắn, Phạm Bá Thịnh là nghệ sĩ nhiếp ảnh được phong đẳng cấp quốc tế, Nguyễn Chiến cũng mới xuất bản chung với bốn tác giả khác ở Quảng Nam một tập thơ.

Khoá của Phan cũng có cái may mắn là được học với những cán bộ giảng dạy đại học ưu tú nhất của Miền Bắc, chủ yếu là từ Hà Nội và Vinh (bấy giờ ở nước ta chưa có quy chế phong học hàm giáo sư, phó giáo sư). Đã mời giảng viên thỉnh giảng, dĩ nhiên Đại học Sư phạm Huế phải mời những vị mà Ban Giám hiệu quý trọng nhất, là một lẽ. Lẽ khác, các trường ở Hà Nội và Vinh cũng cử vào các vị dày công phu nghiên cứu, giảng dạy nhất để thể hiện lòng ưu ái đối với sinh viên vùng mới giải phóng.

Đối với Phan và bạn bè trong lớp, kiến thức cũ một phần phải xếp vào một nơi nào đó trong óc, một phần lại được soi sáng bởi ánh sáng mới. Đó cũng là một may mắn đối với người thật sự coi trọng chiều sâu của việc học. Phan và bạn bè, mặc nhiên cũng có, có ý thức cũng có, đều tự phản biện, đối chiếu, lật qua lật lại vấn đề, trong óc và cả trong tâm hồn, cho dù trong các lần làm bài tập nhỏ tại lớp, bài tập lớn tại nhà hay các buổi thảo luận tại trường, không có những đề bài đòi hỏi thật rạch ròi, sinh viên phải hiểu thật đúng tác phẩm như tác phẩm vốn thế, phải dám phản biện, bác bỏ nếu cái nhìn của tác giả sai lệch, phải chú trọng đến quan điểm riêng của mỗi sinh viên, đại để như đề bài mà Phan đã gặp trong kì thi học sinh xuất sắc về môn triết tại Đà Nẵng: “*Anh (chị) hãy chọn một tác phẩm mang đậm chất bi kịch trong văn học cổ điển nước ta, để phân tích quan điểm của tác giả về tính bi kịch ấy, trước khi anh (chị) dùng quan điểm riêng của chính anh (chị) để đánh đổ quan điểm của tác giả*”.

Phải chăng, sau Ngày Thống nhất, khuynh hướng chung là kéo tác giả, tác phẩm cổ điển gần với mình hơn, trên cơ sở nội dung hiện thực được phản ánh, ghi

nhận, và lướt qua, không đi sâu vào nhãn quan siêu hình, duy tâm của họ, có lẽ để tránh sự sa lầy vô lối và vô ích, lại không tể nhị? Tuy nhiên, nói chung là bài giảng văn học, ngôn ngữ học, Hán ngữ của các thầy giáo, cô giáo đại học, thưở đó, phần lớn (không phải tất cả) vẫn có sức thuyết phục đối với lớp ngữ văn của Phan và bạn bè.

Vì phải truyền đạt và tiếp thu một khối lượng kiến thức chuyên sâu khá lớn, nên cả thầy và trò đều phải đến lớp, lên giảng đường thường xuyên. Do đó, cũng không có thì giờ để kiến tập sư phạm trong suốt ba năm học sau Ngày Thống nhất. Và lại, Khoa Sư phạm thuộc Viện Đại học Huế nay đã thành Trường Đại học Sư phạm Huế với số lượng sinh viên tuyển vào gấp bội, nên Trường Trung học Kiểu Mẫu, vốn là một bộ phận trực thuộc Khoa Sư phạm cũ, là nơi thực hành sư phạm (như Bệnh viện trung ương Huế đối với Đại học Y khoa Huế), phải giải thể, phân tán học sinh về các trường trung học khác, để dành phòng học, giảng đường cho sinh viên học tập. Do đó, chỉ duy trì thực tập sư phạm vào năm cuối, ở các trường trong và ngoài thành phố Huế.

Đợt thực tập sư phạm ở Trường Cấp 3 Đông Hà, Quảng Trị cũng là kỉ niệm rất đáng nhớ của Phan. Phan là giáo sinh nhưng cũng là tác giả thơ. Phan vừa soạn giáo án, lên lớp giảng văn, nhưng cũng vừa mê mải làm thơ. Nếu bài thơ Phan giảng là “*Nhàn*”, thể hiện thái độ lánh đục về trong, của Nguyễn Bình Khiêm, thì sáng tác của Phan vào dịp ấy là “*Bài thơ Đông Hà*”, bày tỏ niềm say mê dấn thân vào công cuộc xây dựng đất nước, quê hương. Từ dịp này, Phan được thầy Nguyễn Tiến Hùng, giảng viên lí luận dạy văn, quý mến.

Trước khi đi thực tập ở Đông Hà, từ đầu năm học thứ tư, một số sinh viên trong lớp, trong đó có Phan, đã được chọn để làm khoá luận tốt nghiệp. Đề tài Phan chọn là “*Shakespeare và những bi kịch tiêu biểu của ông*”, mặc dù Phan chuyên tâm về thơ. Phan chọn Shakespeare, có lẽ do ông vừa là tác kịch gia vừa là thi sĩ với những bài son-nê (sonet) rất tuyệt vời. Và lại, kịch của Shakespeare cũng xen lẫn những câu đối thoại là thơ, chứ không đơn thuần kịch nói (cho nên khi dịch ra thành văn xuôi tiếng Việt, vẫn còn mang đậm chất thơ). Cũng có lẽ vì Phan vốn được phân công làm phó lớp phụ trách văn thể mĩ, kiêm phó ban kịch nói của lớp. Nhưng lí do chính là vì tính mâu thuẫn, xung đột ở thể kịch rất cao, có thể phản ánh được hiện thực thời Phan sống, nên ngoài thơ, Phan lưu tâm đến kịch. Một lẽ khác nữa, Phan còn ôm mộng lớn là sẽ viết tiểu thuyết, mà tiểu thuyết lại gần với kịch hơn là với thơ.

Những vở kịch, tập và diễn với Ngô Vưu và Trương Đăng Nguyệt Thanh (“*Chúng chỉ sức khoẻ*” của Nguyễn Vũ, “*Hãy đặt tên con là ...*” của một tác giả Liên-xô), đã dẫn Phan đến với đề tài bài tập lớn (bài nghiên cứu), với sự cộng tác của Thái Quang Hồng trong công đoạn tìm tư liệu, về kịch của Kor-nây-truc [A. E. Kornejchuk, 1905 - 1972] (trong đó có nhân vật bị phê phán là một uỷ viên trung ương!), rồi cuối cùng là dẫn đến đề tài khoá luận tốt nghiệp: “*Shakespeare và những bi kịch tiêu biểu của ông*”, gồm ba vở Hamlet, Othello và Macbeth.

Đi học sư phạm, cái chính vẫn là việc học tập để giảng dạy. Nhưng với Phan bao giờ cũng vì mục đích văn chương học thuật, đồng thời vẫn tự nhủ, sẽ làm trọn

chức năng của một nhà giáo, mặc dù biết rằng môi trường giáo dục với những quy phạm của nó sẽ hạn chế, bào mòn thiên hướng sáng tạo vượt lên quy phạm để làm nên cái mới trong sáng tác, nghiên cứu... Những sáng tạo của văn nghệ sĩ ẩn chứa sự mới mẻ có giá trị nhưng cũng có thể sai lầm, mà ngành giáo dục bậc trung học phổ thông không thể là nơi chấp nhận những sáng tạo chưa được thời gian kiểm nghiệm, đãi lọc. Biết thế, nhưng Phan chỉ có thể chọn lựa trong điều kiện của mình.

Phan cũng nghĩ, sự tiếp nhận có phê phán, có chọn lọc từ sách báo, từ học tập ở nhà trường (tiểu học cho đến đại học) và từ ảnh hưởng tương tác trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, kể cả tôn giáo, tín ngưỡng, hầu như tất thảy mọi người, không một ai không trải qua (dù ít dù nhiều, có mặt này, không mặt kia), nhưng vấn đề là phải vận dụng tốt, đặc biệt là phải sáng tạo mới. Trọng lượng, tầm mức sáng tạo mới thể hiện trên bàn cân, thước đo giá trị. Và tiêu chí chính là chân, thiện, mỹ. Chân, thiện, mỹ bao gồm độc lập, tự do...

4

Tình yêu đương

Phan cũng có một mối tình yêu đương thời sinh viên. Nhưng đó vừa không phải là tình đầu, vừa chính là mối tình đầu tiên nồng cháy môi hôn.

Thực ra, thời trung học Phan đã hiểu thế nào là tâm trạng của một học sinh áo trắng quần xanh biết yêu bạn gái thướt tha tà áo trắng. Nhưng với một nàng thơ, chỉ là hương sen tinh khiết mùa hạ và đầu thu, để rồi bàng lảng suốt năm và nhiều năm sau, mặc dù mỗi một mình biết lấy tình yêu đó. Và một nàng thơ khác, thì chưa từng một lần cầm tay. Với một nàng thơ khác nữa, cũng chỉ duy nhất một lần cầm tay, đúng hơn tay mình áp vào tay nàng thơ mình yêu say đắm.

Chắc chắn một điều là trong tuổi trung học, tuổi đại học, Phan đã trải nghiệm rất nhiều ngày tháng yêu đương từ một phía – yêu đơn phương. Yêu thâm. Và có cả yêu thất tình, trong sự khước từ của cô gái mình ngộ lời. Mãi đến về sau này, Phan vẫn nghĩ rằng, chính như thế mới là tình yêu đương da diết, khổ đau, thấm thía nhất. Và trong lĩnh vực tình yêu đương, Phan hiểu mình chỉ có thể yêu người mà mình thật lòng yêu, chứ Phan không thể gắng gượng yêu người chỉ nặng lòng yêu mình, nhưng mình không thể yêu lại. Đó là một trong những nguyên nhân gây ra bị kịch cho trái tim con người.

Thuở đó, Phan cũng có nhiều suy nghĩ về sự hài hoà giữa tình yêu đôi lứa với khát vọng trù phú, xây dựng quê hương, đất nước, trong điều kiện, ngành nghề cụ thể của mỗi người, nhưng để rồi chỉ tạo nên được hình tượng thơ ca mà thôi. Đi vào thực tế, Phan nhận thấy, mái nhà hạnh phúc của con người, về mặt ý nghĩa, không cao hơn tổ chim mấy tí. Thiếu thực tế, phải chăng cũng là nguyên nhân gây nên bị kịch cho trái tim con người?

Phan cũng không hiểu nổi tình yêu đương thời sinh viên của mình: Không biết hương sen này có phải đã thay thế cho hương sen kia, hương sen kia phải chăng đã bị nhạt phai theo năm tháng nên hiện hữu hương sen này? Thế rồi, cũng

không biết Phan tự rời bỏ hay hương sen tự rời bỏ tình yêu đương ấy, để cho hương sen được tinh khiết, mãi mãi là hương sen, và cũng để cho Phan cảm thấy mình không ân hận vì mình đã không làm hương sen bị vấy bẩn.

5

Rời xa Huế, tháng 8-1978

Tháng Năm 1975, Phan từ Sài Gòn hồi cư về Huế. Khoảng trong tháng Tám ba năm sau, 1978, Phan lại cùng một nhóm bạn khác khoa nhưng cùng Trường Đại học Sư phạm Huế, có chung địa chỉ nhiệm sở, lên xe vào Lâm Đồng.

Khi được thông báo từ trường lớp là mỗi sinh viên đều có thể chọn ba nhiệm sở, Phan cứ thảnh thơi nhìn bản đồ Đất nước treo trên vách phòng nhà mình, chú mục vào những tỉnh phía Nam, vì giới hạn được chọn là các tỉnh ấy, những tỉnh còn thiếu giáo viên ngữ văn Việt. Phan chọn Tiền Giang, Hậu Giang và Lâm Đồng. Cuối cùng, Phan quyết chọn Lâm Đồng, theo tinh thần xung phong lên miền núi. Hơn nữa, tuy đó là tỉnh miền núi, nhưng lại có tỉnh lỵ là Đà Lạt, nơi Phan và nhiều người làm thơ thường mơ mộng. Phan cũng đã gửi thư, nhờ o Vinh, bạn hàng của mẹ, mang ra, thưa với mẹ Phan đã chọn xong nhiệm sở.

Nhận được quyết định bổ nhiệm, Phan liền ra phố huyện Diên Sanh và làng ngoại Thượng Xá để từ giã mẹ và các cậu dì. Phan rất cảm động khi thấy mẹ đã sắm áo ấm và chăn mùng cho Phan, cùng với một chiếc xe đạp, một cái đồng hồ đeo tay.

Nhà của mẹ vẫn vậy, một mái tôn từ trước nối dài ra sau. Mái tôn nhà bếp gàn đung đầu, nóng hừng hực dưới ánh nắng hè dữ dội. Nền nhà chủ yếu vẫn là nền đất, có khoảnh còn một lớp xi măng nền cũ, sót lại sau những lần bị bom đạn cày xới. Phan cảm thấy hơi cay cay vì nước mắt.

Vào lại Huế, Phan với nhóm bạn cùng nhiệm sở Lâm Đồng chuẩn bị lên đường. Trong sương sớm ở bến xe An Cựu, Phan tình cờ gặp lại thầy Hà Thúc Hoan, thầy giáo môn lí thuyết và kĩ thuật làm văn, vốn là giảng viên tại Huế, nhưng hiện nay đã vào TP.HCM. để học chính trị, triết học Mác – Lê-nin. Có lẽ thầy đang trong những ngày nghỉ, về phép thăm nhà. Khi xe chuyển bánh, thầy nói theo cho cả nhóm sinh viên: “*Nhớ sống và giảng dạy thế nào để khi về có chuyện mà kể nghe!*”, thay lời chúc cố gắng sống tốt, dạy tốt.

Lần đi nhận nhiệm sở ấy cuối cùng đã đưa Phan về một ngôi trường, không phải là trung học phổ thông (cấp 3) theo hệ đào tạo, mà lại là phổ thông cơ sở (cấp 2)! Ngôi trường ở vùng kinh tế mới Lộc Ngãi ấy, Phan gọi là “*Ngôi trường tháng giêng*”, nhan đề một bài thơ Phan viết, khi tất cả đài báo đều vang lên *Lời kêu gọi* kháng chiến, chống Trung Quốc xâm lược ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Đó là bài Hịch mới, nối tiếp và cùng âm hưởng với những thiên cổ hùng văn trong lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc.

Ngày Thống nhất Đất nước, 30-4-1975, mọi người đã thấy lộ mặt tập đoàn bành trướng, bá quyền Bắc Kinh ở phía sau Khmer Đỏ. Đó là thời điểm Phan cảm thấy như trút được tảng đá nê lệ khỏi lồng ngực, lòng nhẹ tênh. *Ý nghĩa sự thống*

nhất đầu tiên và căn bản nhất trong thời điểm ấy là cả hai miền Nam – Bắc chỉ còn một kẻ thù chung: Bắc Kinh. Lúc này, ba năm sau, nhất là đến tháng 12-1978 và đầu năm 1979, Trung Quốc càng ngang nhiên lộ mặt là kẻ thù, từ biên giới phía Bắc. Và quần đảo Hoàng Sa, đầu đón thay, vẫn còn đó vết thương xâm lược, đồng thời là chùm bóng đèn sáng soi sự thật lịch sử.

Viết sau khi dạy học được vài tháng, bài “Ngôi trường tháng giêng” là cả một quyết tâm của Phan.

Hai mươi năm sau, đến năm 1998, Phan (Trần Xuân An) lại viết tiểu thuyết cũng có tên là “Ngôi trường tháng giêng”. Trong đó, Phan đã tự phân thân thành Nam, Khoai, Lộc Biếc và Huyện (Huyện, giáo viên hóa học, nhân vật hoàn toàn hư cấu, như một “phản đề”). Quanh và trong bốn hình tượng hư cấu ấy, chính là bối cảnh và tâm trạng Phan, lúc vào Ty Giáo dục Lâm Đồng, nhận giấy giới thiệu về Bảo Lộc, cuối cùng vào đến vùng khai hoang lập ấp Lộc Ngãi. Trọn năm học 1978 - 1979 đã được gói gọn trong tiểu thuyết “Ngôi trường tháng giêng” (Nxb. Thanh Niên, 2003).

Như thế, Trần Nguyễn Phan – như đã thừa ngỏ, chính là tôi (Trần Xuân An) – còn biết viết thêm gì nữa, về kỉ niệm những ngày sắp cầm phấn bảng làm thầy giáo? Là tác giả, xin trân trọng mời người đọc đi vào tiểu thuyết “Ngôi trường tháng giêng” ấy. Hồi kí - tự truyện “Tuổi học trò của tôi” xin chấm dứt ở dòng chữ này, với lời mời đọc chân thành.

TXA.

TP.HCM., từ 10:30, 08-02

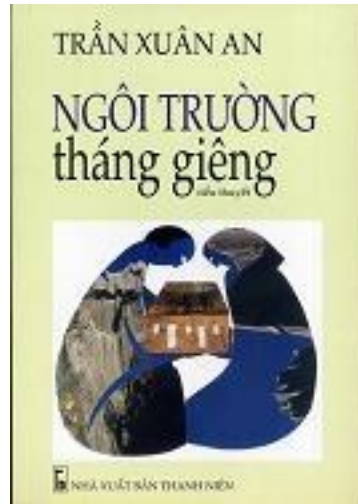
đến 5:30, 10-02 HB12 (2012)

Chỉnh sửa ít lỗi nhỏ & bổ sung ít câu:

16:58, 24-02 HB12 (2012)

28-02 HB12

& 02-03 HB12



DANH MỤC TÁC PHẨM CỦA TRẦN XUÂN AN

I. Thơ

1. *Nắng và mưa*, tập thơ, Hội VHNT. Quảng Trị xuất bản, 1991.
2. *Hát chiêu hồn mình*, tập thơ, Nxb. Đồng Nai, 1992.
3. *Tôi vẫn ở trên đường*, tập thơ, Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 1993.
4. *Lặng lẽ ở phố*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
5. *Kể bị ném vào bão*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
6. *Hát với đời ơi thương mến*, tập thơ, Nxb. Trẻ, 1996.
7. *Quê nhà yêu dấu*, trường ca thơ, Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 1998.
8. *Giọt mực, cánh đồng và vở kịch điên*, tập thơ, Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.
9. *Thơ những mùa hương*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2011.
10. *Tưởng niệm Mẹ*, tập thơ tự tuyển, Nxb. Thanh Niên, 2010.
11. *Thơ sử và những bài thơ khác*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2011.
12. *Hát mọc với biển đảo & những bài thơ khác*, tập thơ, Nxb. Thanh Niên, 2012.

II. Tiểu thuyết, truyện kí:

13. *Mùa hè bên sông (Nỗi đau hậu chiến)*, tiểu thuyết, 1997; hai bản đã sửa chữa và bổ sung, 2001 (lần hai) và 2003 (lần ba), Tạp chí điện tử Giao Điểm tháng 6-2005.
14. *Có một nơi lá mãi xanh*, tiểu thuyết, Nxb. Hội Nhà văn, 1999.
15. *Ngôi trường tháng giêng*, tiểu thuyết, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2003.
16. *Sen đỏ, bài thơ hoà bình*, tiểu thuyết, 1999, Nxb. Thanh Niên, 2003.
17. *Nước mắt có vị ngọt*, tập truyện ngắn liên hoàn, 1999, Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.
18. *Tuổi học trò của tôi*, hồi kí - tự truyện, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2012.

III. Nghiên cứu, khảo luận:

19. *Thơ Nguyễn Văn Trường (1824 – 1886) – Vài nét về con người, tâm hồn và tư tưởng* (biên soạn – nghiên cứu, phân bác, và tập hợp một số bản dịch, bài khảo luận văn học và sử học về NVT.), 2000 & 2003, Nxb. Thanh Niên, 2008.

20. *Tiểu sử biên niên phụ chính đại thần Nguyễn Văn Trường – kẻ thù không đội trời chung của chủ nghĩa thực dân Pháp* (từ *Đại Nam thực lục*, rút gọn), dạng niên biểu, sách dẫn chi tiết, phần I, 2001, Nxb. Thanh Niên, 9-2006.

21. *Những trang “Đại Nam thực lục” về phụ chính đại thần Nguyễn Văn Trường (1824 – 1886) và các sự kiện thời kì đầu chống thực dân Pháp...*(Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổ Phiên dịch Viện Sử học VN.), chọn lọc, phần II, 2001.

22. *Nguyễn Văn Trường (1824 – 1886), một người trung nghĩa*, khảo luận và phê bình sử học, 2002 & 2003, Nxb. Thanh Niên, 9-2006.

23. *Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Trường (1824 – 1886)*, truyện – sử kí – khảo cứu tư liệu lịch sử, trọn bộ 4 tập, 2002 – 2003; Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 2004.

24. *Suy nghĩ về một số vấn đề trong lịch sử cổ đại nước ta*, khảo luận, 7.2004, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2005.

25. *Bàn thêm về mấy vấn nạn sử học*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2007.

IV. Phê bình & bình luận:

26. *Ngẫu hứng đọc thơ*, phê bình thơ, 2003; Nxb. Văn Nghệ TP. HCM., 2005.

27. *Luận về thời chúng ta, một số vấn đề trong chiến tranh và hậu chiến*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2005.

28. *Thời sự văn hoá và suy nghĩ*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2008.

29. *Đọc văn chương và cảm nghĩ*, phê bình, viết ngắn & điểm sách, Nxb. Thanh Niên, 2009.

30. *Vi văn chương, bình – khảo và phẩm luận*, luận, đăng trên mạng vi tính toàn cầu, 2010.

31. *Ngẫm nghĩ khi đọc văn chương*, phê bình, đăng trên các trang thông tin điện tử & điểm mạng toàn cầu, 2011.

Filename: bo-sung_1-va-2_TRAN-XUAN-AN_HOI-KI-TU-TRUYEN
Directory: C:\Documents and Settings\NhanVan\My Documents\tu-
01-01HB12_2012
Template: C:\Documents and Settings\NhanVan\Application
Data\Microsoft\Templates\Normal.dot
Title: TRẦN XUÂN AN
Subject:
Author: Windows
Keywords:
Comments:
Creation Date: 2/24/2012 5:59:00 PM
Change Number: 151
Last Saved On: 3/10/2012 11:31:00 AM
Last Saved By: Windows
Total Editing Time: 4.296.702 Minutes
Last Printed On: 3/10/2012 11:31:00 AM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 49
Number of Words: 19.289 (approx.)
Number of Characters: 109.953 (approx.)